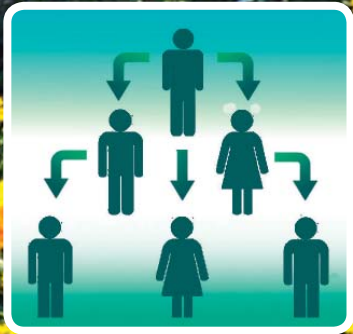


SỐ 6 - XUÂN QUÝ TỶ 2013

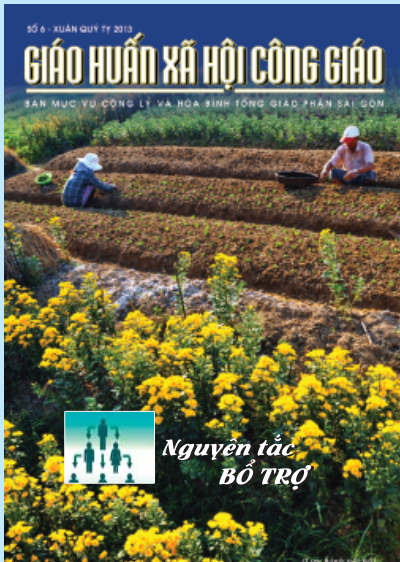
# GIÁO HUẤN XÃ HỘI CÔNG GIÁO

BAN MỤC VỤ CÔNG LÝ VÀ HÒA BÌNH TỔNG GIÁO PHẬN SÀI GÒN



*Nguyên tắc*  
**BỔ TRỢ**

*(Lưu hành nội bộ)*



*Trong số này...*

NGUYÊN TẮC BỔ TRỢ...**tr.4**

ÁP DỤNG CỤ THỂ NGUYÊN TẮC BỔ TRỢ... **tr.7**

PHẨM TRẬT ÔNG QUAN-PHẨM GIÁ CON NGƯỜI...**tr.9**

BỔ TRỢ LÀ NGUYÊN TẮC VÀNG... **tr.10**

LỜI NÓI & VIỆC LÀM... **tr.11**

PHÙ VÂN PHÚ... **tr.12**

NHỮNG THÁCH ĐỐ ... **tr.14**

ỨNG VIÊN PHÓ TT MỸ NÓI VỀ BỔ TRỢ ... **tr.16**

TRẢ LẠI MÙA XUÂN ... **tr.17**

QUYỀN CỦA CON NGƯỜI ...**tr.19**

THAM GIA THỂ NÀO CHO PHẢI ... **tr.22**

CHUYỆN VUI... **tr.22**

KINH NGHIỆM VỀ ĐỨC TIN ... **tr.23**

SUY TƯ VỀ "SỐNG ĐỨC TIN"...**tr.28**

HỎI&ĐÁP- GIÁO HUẤN XÃ HỘI ... **tr.30**

TRUYỆN TRANH-TÌM HIỂU 4 NGUYÊN TẮC ... **tr.31**

THAY LỜI CHÚC XUÂN... **tr.32**

Ảnh bìa 1:  
"Chăm vườn hoa xuân"-  
Tg. Hữu Tâm  
Ảnh trang 20, bìa cuối:  
Tg. Dzũng Hitc

"**G**iao huấn Xã hội của Giáo hội đã đưa ra nguyên tắc bổ trợ, theo đó "một tập thể cấp cao không được can thiệp vào nội bộ cấp thấp, làm mất thẩm quyền của nó, nhưng đúng hơn phải nâng đỡ nó khi cần thiết và giúp phối hợp hành động của mình với những hoạt động của tập thể khác, để mưu cầu công ích".\* Thiên Chúa không muốn dành cho riêng mình việc thi hành mọi quyền hành. Người trao lại cho mỗi thụ tạo những phận vụ có thể thi hành theo khả năng của bản tính riêng. Cách lãnh đạo này phải được noi theo trong đời sống xã hội. Đường lối hành động của Thiên Chúa khi cai trị thế giới cho thấy Người rất tôn trọng quyền tự do của con người. Đó phải là đường hướng chỉ đạo cho những ai cầm quyền trong các cộng đồng nhân loại. Họ phải xử sự như những người thừa tác viên của Chúa quan phòng. Nguyên tắc bổ trợ nghịch với mọi hình thức duy tập thể, nêu lên những giới hạn cho hành động can thiệp của Nhà nước, dung hòa mối tương quan giữa cá nhân với xã hội, và hướng tới việc thiết lập một trật tự quốc tế đích thực".

(Giáo lý Hội Thánh Công giáo, số 1883-1885)

\*TĐ Bách Chu niên, số 48; Xc. Tứ Thập niên, số 184-186



# NGUYÊN TẮC BỔ TRỢ

## ĐỂ MỌI TẾ BÀO XÃ HỘI HAY GIÁO HỘI VẬN HÀNH TỐT ĐẸP

◆ Lm.Yannik BONNET

### **Định nghĩa nguyên tắc Bổ Trợ.**

Để phát huy lòng tin nhiệm và sự hữu hiệu trong những liên hệ xã hội:

Bổ trợ diễn tả tính chất phụ giúp, nghĩa là cái phụ thêm vào cho cái chính, để tăng cường cho cái chính. Trong chính trị, nguyên tắc bổ trợ là nguyên tắc theo đó chính quyền thấp nhất có khả năng giải quyết công việc nào thì phải đảm trách công việc đó. Như vậy, trong sinh hoạt công, chính là tìm cái tầm thích đáng nhất và gần gũi nhất với người dân.

Trong vận hành của mọi tổ chức xã hội (và Giáo hội), nguyên tắc bổ trợ bảo đảm một sự uỷ quyền hữu hiệu và công bằng của quyền bính và làm cho các quyết định được thực hiện hài hoà.

### **Giáo huấn Xã hội nằm nơi cội nguồn của nguyên tắc bổ trợ**

Nguyên tắc bổ trợ không cho phép tổ chức cấp trên làm công việc mà cấp dưới có thể làm và đạt được cùng một hiệu quả. Tổ chức cấp trên chỉ can thiệp khi vấn đề vượt khả năng tổ chức cấp dưới (nguyên tắc bổ khuyết). Nguyên tắc này có nguồn gốc trong GHXH của Giáo Hội Công Giáo. Ví dụ trong công cuộc xây dựng châu Âu, nguyên tắc bổ trợ là một quy luật phân phối các thẩm quyền giữa Liên hiệp châu Âu và các quốc gia thành viên. Ngoài lãnh vực thẩm quyền riêng của mình, Liên hiệp châu Âu chỉ can thiệp nếu hành động can thiệp có hiệu quả hơn hành động của quốc gia hay miền.

### **Nguồn gốc trong Giáo luật của Giáo Hội.**

Nguyên tắc Bổ trợ đã được lấy lại từ trong giáo luật. Khái niệm này đã có trong tư tưởng của thánh Tôma Aquinô nhưng đến đời Giáo Hoàng Lêô XIII, Ngài mới định dạng nó lần đầu tiên trong thông điệp Tân sự (Rerum Novarum), cũng là định dạng đầu tiên cho GHXH của Giáo Hội Công Giáo. Giáo huấn này đã trở nên cần thiết do những lạm dụng của cuộc cách mạng kỹ nghệ và các hệ quả kèm theo trên xã hội dân sự.

### **Tầm quan trọng của nguyên tắc tương liên : nguyên tắc bổ khuyết.**

Nguyên tắc bổ trợ đi song song với nguyên tắc bổ khuyết : khi vấn đề vượt quá khả năng của một cấp nhỏ thì cấp trên phải nâng đỡ trong giới hạn của nguyên tắc bổ trợ. Nguyên tắc bổ trợ và nguyên tắc bổ khuyết đem lại sự hài hoà trong các quyết định ở mọi tầng lớp của tế bào xã hội hay giáo hội : quốc gia, liên hiệp quốc gia, và cả các xí nghiệp, hội đoàn, cộng đồng Giáo hội.

### **Bắt đầu áp dụng nguyên tắc trong đời sống thường nhật của chúng ta !**

"Sẽ là một sai lầm nếu người Kitô hữu chỉ xem lợi ích của GHXH như một thứ thuốc chữa bệnh lệch lạc trong đời sống chính trị và của Quốc gia. Rõ ràng ngay chính trong bốn phận thường nhật của chúng ta (không chơi chữ)\*, thật là tốt đẹp khi chúng ta biết áp dụng nguyên tắc bổ trợ trước tiên: trong gia đình chúng ta, trong các tập thể lao động, trong đời sống hội đoàn của chúng ta, trong các giáo xứ .. và trong các địa phận của chúng ta ! Vì khi áp dụng nguyên tắc bổ trợ trong việc thường nhật quản lý cộng đồng con người, chúng ta đào tạo nên những con người thích hợp để hoạt động một cách tự quản và không cần phải giúp đỡ. Đó là phương cách tốt nhất nâng cao hiệu quả và lợi ích của giáo huấn xã hội của Giáo

Hội” (Lm. Y.Bonnet). Ở mỗi cấp: Tự do đến mức có thể, quyền bính đến mức cần thiết”

Nguyên tắc bổ trợ nhằm nhìn nhận, ở mỗi cấp phẩm trật, toàn quyền tự quản mà cấp đó có khả năng theo công thức của Im Taparell : **“Tự do đến mức có thể, quyền bính đến mức cần thiết”**

Nếu những tư tưởng về nguyên tắc bổ trợ bắt nguồn từ thời Cổ đại (Aristote, cách riêng), thì thời Phục hưng các Công quốc của Đức đã phải nại đến nguyên tắc bổ trợ để bảo vệ tính tự trị của họ đối với quyền của hoàng đế. Như thế, chúng ta không ngạc nhiên về sau vào thế kỷ 19, chính Đức Cha Ketteler, Giám mục địa phận Mayence, đưa tư tưởng xã hội vào trong tư tưởng của Giáo hội Công Giáo một cách dễ dàng. Năm 1931, Đức Piô XI đã thừa nhận tầm quan trọng của nguyên tắc bổ trợ bằng cách đưa vào trong thông điệp Tứ thập niên một định nghĩa rõ ràng.

### **Định nghĩa của Đức Piô XI**

*“Người ta không thể thay đổi nguyên tắc rất nặng tính triết học xã hội ấy : cũng như người ta không thể rút đi khỏi tay những cá nhân để chuyển qua cho cộng đồng những gì mà cá nhân có thể làm được dựa vào sáng kiến của họ và bằng phương tiện riêng của họ, thì cũng vậy người ta sẽ phạm phải một bất công đồng thời gây rối loạn trật tự xã hội với tai hại nghiêm trọng, khi giao cho một tổ chức cao hơn và lớn hơn những gì mà các tổ chức nhỏ hơn và cấp dưới có thể làm được.”*

### **Bản văn được tiếp tục bằng câu sau đây :**

*“Mục đích tự nhiên của mọi sự can thiệp trong vấn đề xã hội là trợ giúp cho các thành viên của cơ thể xã hội, chứ không phải là huỷ bỏ hay tiêu diệt chúng”.*

Chỉ sau đó hai đoạn, chúng tôi tổ chức xã hội phải được xây dựng thế nào để không lấy đi khỏi cá nhân hay tập thể trung gian, việc làm trong khả năng của họ, và phải nhằm giúp cho các thành viên, không huỷ bỏ hay tiêu diệt họ, mà thông điệp đề cập cách thực tế tình huống mà công quyền đã lạm dụng vai trò của mình bằng cách can thiệp vào “những việc ít quan trọng hơn”. Lúc ấy cấp cao phải từ bỏ các lãnh vực can thiệp để hoàn toàn chỉ lo cho những việc thuộc về mình thôi . Thông điệp thêm: **“Các nhà cầm quyền phải xác tín điều này: theo nguyên tắc vai trò bổ trợ của mọi tập thể, trật tự cấp bậc của các nhóm khác nhau càng được thực hiện hoàn hảo thì càng tăng uy tín và quyền lực xã hội, tăng hạnh phúc và cả tình trạng các việc công cũng thêm thịnh vượng.**

### **Thẩm quyền của nhóm cấp trên và những giới hạn.**

Thông điệp minh định nội dung thẩm quyền này là: **“Hướng dẫn, giám sát, khuyến khích, cầm lại”, tùy theo hoàn cảnh hay những yêu cầu cần thiết.** Bằng rất ít lời, nguyên tắc được mô tả: trong bậc thang xã hội, một cơ

cấu càng ở cấp cao thì tự tay phải “làm” càng ít. Vai trò của cơ cấu này là vạch hướng đi cho công việc, khuyến khích, giám sát, giữ gìn trong một khung đã được soạn thảo có lưu ý về công ích. Chức năng của nguyên tắc bổ trợ : xây dựng công ích.

Ở mỗi cấp, tập thể xã hội liên quan trình lên “trên” những yêu cầu hay gợi ý của mình về công ích và tham khảo bên “dưới” để phác vẽ công ích đặc thù của mình. Rõ ràng là công ích của cấp (n) phải ăn khớp một cách hài hoà trong gói công ích của cấp trên (n-1). Có thể nói những công ích lồng vào nhau sít sao như những con búp-bê Nga, con lớn nhất biểu trưng cho công ích tầm vũ trụ (ví dụ công việc bảo vệ hành tinh Trái đất). Đức Thánh Cha Benedicto XVI, trong thông điệp “Bác ái trong Chân lý”, viết một tổng hợp tuyệt vời về công ích và về việc áp dụng Giáo Huấn xã hội ngày nay; Ngài đưa ra các nguyên tắc “cho không” và “liên đới”.

### **Công ích được sắp xếp qua một cuộc đối thoại thường kỳ giữa “cấp dưới” và “cấp trên”.**

Ngay khi thực hiện các hành động dẫn đến công ích ấy, phải xem xét tổ chức xã hội “từ đâu kia”, trước tiên khởi đi từ con người, đó là điều mà Thông điệp xác định: không phải vấn đề dành lấy trong tay của cá thể những gì mà họ có khả năng làm. **Nói cách khác, nếu công ích được sắp xếp từ bên trên, thì quyền hạn được phân bổ từ bên dưới. Công ích là kết quả của cái qua lại thường tồn của thông tin và của việc bàn thảo giữa hai cấp đó, với một định nghĩa chính xác là: “ai làm gì” ở mỗi cấp.**

Nếu người ta tẩn quyền, là vì những quyền đó trước đây đã bị cấp trên tước đoạt. Khi nguyên tắc bổ trợ được tôn trọng, hệ thống cấp bậc trở thành cơ sở bảo vệ sự dính kết của cơ thể xã hội. Quyền cấp trên theo dõi việc áp dụng nguyên tắc bổ trợ và thẩm tra (nếu cần, chỉnh sửa) việc áp dụng các quyết định (nguyên tắc bổ khuyết).

Người ta thấy nguyên tắc bổ trợ có thể và phải được áp dụng trong mọi lãnh vực và ở mọi cấp bậc, trong gia đình, trường học, nơi xí nghiệp, hiệp hội, các thực thể địa phương, dân tộc, trong việc xây dựng châu Âu. vv.. không quên những thực tại của Giáo hội : Các cộng đoàn, hội đoàn tín hữu, các giáo xứ, giáo phận, Giáo hội tự áp dụng cho mình chính học thuyết xã hội của mình.

### **◆ Chuyển ngữ: Lm.Gioan-Kim LÊ THANH HOÀNG**

-----  
\* Tác giả dùng cụm từ “devoir d'état quotidien” hiểu là “trách nhiệm hằng ngày theo chức phận” (état) vì thế mà tác giả chua thêm “không chơi chữ”, (trong tiếng Pháp Etat và état) chứ nếu chỉ là “trách nhiệm hằng ngày” thì có gì đâu mà chơi chữ ! Ý này cũng gần như thuyết chính danh của Khổng Tử : vua ra vua....



## ĐÔI NÉT VỀ Lm. YANNET BONNET & saintjosephduweb.com

Yannik Bonnet là một linh mục đặc biệt, hiện đang trực tiếp điều khiển [www.saintjosephduweb.com](http://www.saintjosephduweb.com). Trang web này đề cập đến vấn đề sống đạo, cách riêng về Giáo huấn Xã hội, chủ yếu dành cho tín hữu giáo dân. Hai bản dịch :

### 1/ NGUYÊN TẮC BỔ TRỢ

để mọi tế bào xã hội hay Giáo hội vận hành tốt đẹp do Lm. Lê Thanh Hoàng chuyển ngữ

### 2/ ÁP DỤNG CỤ THỂ NGUYÊN TẮC BỔ

**TRỢ**, do Khánh Vân chuyển ngữ đều trích từ website bằng tiếng Pháp này (chúng tôi sẽ lần lượt nhờ quý cha, quý nữ tu và giáo dân tha thiết phổ biến GHXH dịch các bài ở đây). Trước khi là linh mục, Yannik Bonnet từng là cha của 7 người con. Ông tốt nghiệp Trường Bách khoa, làm Giám đốc trường Hóa học tại Lyon và trải qua 23 năm phục vụ ở Công ty Dược phẩm nổi tiếng Rhone-Poulenc với tư cách kỹ sư. Sau khi vợ mất năm 1995, các con đều khôn lớn có gia đình và địa vị, ông quyết định dẫn thân làm linh mục. Ông thụ phong linh mục năm 1999.

Nhờ trải nghiệm cuộc sống gia đình cũng như phục vụ xã hội, linh mục Bonnet có đủ tư cách để chia sẻ với nhiều người về kinh nghiệm sống đạo, đặc biệt sống theo Giáo huấn xã hội. Những bài viết của ngài cũng như của nhiều tác giả khác ở trang web này không nặng tính nghiên cứu, mang tính thực hành nhiều hơn lý thuyết.

Rất nhiều nơi, nhiều người, nhiều cộng đoàn mời ngài đến nói chuyện, tên tuổi của ngài không quá xa lạ ở Pháp, cách riêng giới Công giáo.

## I. Những Lời khuyên dành cho người có Trách nhiệm

Trong phần này của lộ trình, chúng ta sẽ xem xét vài yếu tố về cách thực hành nguyên tắc bổ trợ, hầu áp dụng vào những tế bào gia đình, các tổ chức kinh doanh, giáo xứ của chúng ta vv ... Ở đây, vấn đề là những lời khuyên cơ bản, được chứng minh từ kinh nghiệm cụ thể. Mong sao mỗi người đều tìm được trong đó một sự giúp đỡ cụ thể!

### Một số lời khuyên ...

Thật tốt đẹp khi chúng ta suy nghĩ về những điều kiện cần thiết phải xây dựng, hầu có thể áp dụng nguyên tắc bổ trợ. Nhiều Kitô hữu cảm thấy rõ nguyên tắc này được xem là **một bí quyết đối với hoạt động hài hòa của xã hội, và song song đó, cả đối với sự triển nở của con người**, nhưng nếu họ có thể chỉ trích những rối loạn của một cộng đồng, bị điều khiển theo cách thức chuyên quyền hoặc trái ngược với chủ nghĩa khoan hòa, thì không phải lúc nào họ cũng luôn luôn nhận biết phải làm gì trong chừng mực, hầu thay đổi các sự việc, khi chính họ đang chịu trách nhiệm.

### Điều kiện số 1 (trật tự tinh thần)

Những điều kiện này tương ứng với việc biết chịu trách nhiệm với bản thân. Chúng ta không thể áp dụng nguyên tắc bổ trợ, mà không trau dồi đức khiêm tốn, lòng tin và niềm hy vọng. **Đức khiêm tốn**, ý thức sâu xa về những giới hạn trong khả năng của mình, ý thức sâu xa rằng **người khác là người mang những điều phong phú**, mà có lẽ tôi không nghi ngờ, chính xác vì những giới hạn của mình, chấp nhận sự kiện rằng họ cũng có thể hành động tốt, nếu không phải là còn tốt hơn cả tôi, khi họ hành động một cách khác biệt. **Lòng tin**, không chờ đợi người khác “chứng minh những khả năng của họ”, để làm cho họ tin tưởng. **Cần phải tin tưởng ngay từ đầu, mặc dù phải rút lại một phần hoặc toàn bộ niềm tin, nếu người khác không chứng tỏ họ xứng đáng với niềm tin này. Chờ đợi để “nhìn thấy” được tạo ra trong thực tế một bầu khí ngờ vực mà chúng ta sẽ không thoát khỏi đó được.** Xa hơn nữa, chúng ta sẽ nhận thấy rằng niềm tin không loại trừ sự thận trọng. **Niềm hy vọng** vào khả năng tiến bộ, phát triển của người khác. Đây không phải là thuyết định mệnh liên quan đến người khác. Theo nghĩa từ nguyên, niềm hy vọng này thúc đẩy tôi thi hành quyền lực trên người khác, nghĩa là mang lại cho họ sự **phục vụ hầu làm cho họ phát triển** (augere- gia tăng phẩm giá). Quyền lực này phải cung cấp cho người khác một “giá trị bổ sung”, và chính niềm hy vọng sẽ thúc đẩy tôi thực hiện điều đó.

### Điều kiện số 2 (trật tự luân lý)

Rõ ràng việc áp dụng nguyên tắc bổ trợ là một điều mạo hiểm, vì việc áp dụng này tạo ra bên dưới tôi một quyền tự trị mà tôi sẽ phải tự giác chấp nhận những hậu quả. **Khi tôi dành quyền tự trị cho một tế bào xã hội thuộc tầng lớp thấp hơn, thì tôi không vi phạm trách nhiệm. Nếu điều đó “diễn ra thật xấu”, thì có lẽ tôi không phạm lỗi, nhưng tôi vẫn sẽ phải chịu trách nhiệm.**

Việc tự giác chấp nhận mạo hiểm đòi hỏi đức tính mạnh mẽ, một từ thông dụng hơn của từ can đảm. Nhưng điều này cũng đòi hỏi **đức tính thận trọng, vì người đứng đầu phải có khả năng “theo kịp” những sai lầm có thể xảy ra của các thuộc cấp, và như vậy, họ dự đoán được những hậu quả có thể có của những quyết định từ chính họ.**

### Điều kiện số 3 (trật tự theo phương pháp)

Việc áp dụng nguyên tắc bổ trợ đòi hỏi phương pháp, nghĩa là một

# Áp dụng cụ thể nguyên tắc BỔ TRỢ

◆ Lm. Yannik BONNET

trí thông minh thực tế, hướng tới sự dẫn dắt của hành động. Quyền tự trị không phải là phủ định của quyền lực. **Quyền tự trị không bao gồm việc làm những gì người ta muốn, nhưng đúng hơn, bao gồm việc làm những gì người ta phải làm, cũng như những gì người ta muốn.** Chúng ta đã nhận thấy điều này qua gương mẫu của Giáo hội, vốn nhìn nhận toàn bộ quyền tự trị của xã hội thế tục, nhưng vẫn nằm trong khuôn khổ của thánh ý Thiên Chúa, và trong lãnh vực này, Giáo hội khẳng định quyền lực của mình là Mẹ Giáo huấn. Cũng vậy, Quốc gia phải tạo thuận lợi cho “nền kinh tế của hoạt động kinh doanh”, nhưng vẫn tạo ra khuôn khổ luật pháp mà qua đó, hoạt động kinh tế sẽ diễn ra.

## Bốn điều kiện của trật tự theo phương pháp

Như vậy, đối với người chịu trách nhiệm, **điều kiện đầu tiên của trật tự theo phương pháp** bao gồm việc xác định rõ **khuôn khổ của quyền tự trị này, nghĩa là những giới hạn để không vượt quá.** Thật nghịch lý (bề ngoài), quyền tự trị hàm ý rằng người có quyền lực phải phát biểu những lệnh cấm! Vì nếu những lệnh cấm này rõ rệt, thì lúc đó, tất cả đều được phép, ngoại trừ việc vi phạm những lệnh cấm. Chúng ta hãy ghi chú đoạn văn mà ngay từ hai chương đầu, sách Sáng Thế ký minh họa cho chủ định của chúng ta. Ông Adam và bà Eva có thể ăn được tất cả mọi thứ, ngoại trừ những quả của cây biết lành biết dữ. Đối với chúng ta, những lãnh vực thuộc về lệnh cấm sẽ là:

1. Những quyền lợi cơ bản của con người.
2. Những luật lệ của con người (với điều kiện tự thân những luật lệ này tôn trọng những luật lệ thần thánh).
3. Các quy luật cụ thể được liên kết với lãnh vực đặc trưng (vệ sinh, an toàn vv ...).
4. Những lệnh cấm do người có trách nhiệm soạn thảo, nhằm bảo vệ sự an toàn cá nhân thuộc về trách nhiệm của họ, phải nhận biết rằng những sai lầm có thể xảy ra của các thuộc cấp không đặt họ vào một tình huống không thể chấn chỉnh được.
5. Những lệnh cấm thuộc về “tổ chức” (người đưa ra lệnh cấm này đã ngăn cấm đi lên những bông hoa của họ).

**Điều kiện thứ hai của trật tự theo phương pháp** bao gồm việc làm sáng tỏ, trong chừng mực cần thiết, sự đóng góp được mong đợi nơi thuộc cấp, đối với công ích mà cấp trên chịu trách nhiệm. Thuộc cấp có nhiệm vụ chu toàn những việc mà cấp trên giao phó cho họ. Quyền tự trị chính đáng không bao gồm việc tự dành

cho mình toàn bộ nhiệm vụ. Ít nhất, một phần của nhiệm vụ “đến từ trên cao”.

Tự thân gia đình không tự do để giáo dục hoặc không giáo dục những đứa con được sinh ra trên đời. Gia đình có nhiệm vụ giáo dục (điều này tạo ra cho họ những quyền hạn trước xã hội), và từ sự kiện này, xã hội sẽ nhìn nhận rằng họ chịu trách nhiệm về những khuyết điểm của nền giáo dục này, trong những trường hợp nghiêm trọng). Rất thông thường, có một thiếu sót trong việc làm sáng tỏ nhiệm vụ, điều này có thể khiến cho thuộc cấp hoặc là làm bất cứ việc gì, hoặc là không làm gì cả, hoặc là xâm lấn lãnh vực thuộc về cấp trên của họ. Ở đây, chúng ta ghi chú rằng thông tin không đầy đủ, điều cần thiết là trong đó có sự trao đổi, xác nhận rằng thuộc cấp đã đồng hóa rõ nội dung nhiệm vụ của họ.

**Điều kiện thứ ba của trật tự theo phương pháp** bao gồm việc chất vấn dựa trên những khả năng (thuộc về tất cả những trật tự) của thuộc cấp, nhằm cân xứng quyền tự trị với những khả năng của họ. Chúng ta đã nhận thấy nguyên tắc bổ trợ nhằm đến việc mang lại quyền tự trị tối đa, và mục tiêu này vẫn phải là mục đích cần đạt được, ngay cả trong trường hợp đặc trưng nào đó, nếu sự thận trọng đòi hỏi phải hạn chế quyền tự trị, nếu tình hình quá nguy hiểm, hoặc giới hạn quyền tự trị trong một thời gian, thời gian đúng để thuộc cấp “trưởng thành” dưới quyền lực khoan dung từ cấp trên của họ.

Điều kiện thứ ba này chất vấn kịch liệt tất cả những trách nhiệm của các cộng đồng nhân loại về:

- Sự sáng tỏ đối với những khả năng của con người và những giới hạn của các thuộc cấp.
- Khả năng đào tạo những người được gọi là thuộc cấp (**tất cả cấp trên đều phải trở thành nhà đào tạo, bản thân họ, và cũng như nhờ người trung gian**).
- **Giúp đỡ thuộc cấp nào chưa hoàn toàn tự trị, không phải để duy trì sự lệ thuộc, nhưng nhằm góp phần vào sự tiến bộ của họ trong quyền tự trị.**

**Điều kiện thứ bốn của trật tự theo phương pháp** bao gồm việc **kiểm soát cách sử dụng điều gì được thực hiện thuộc về quyền tự trị, nhưng luôn luôn hậu nghiệm, chứ không bao giờ thường xuyên (điều này sẽ là một dấu hiệu nghi ngờ)**. Chắc hẳn lúc đầu, vì buộc phải thận trọng, nên quyền kiểm soát của người có trách nhiệm tùy thuộc vào những khả năng của thuộc cấp, nhưng ▶

► cũng tùy thuộc vào kinh nghiệm mà họ có được, từ trách nhiệm và lãnh vực mà họ được giao phó. Ngoài ra, chúng ta mong ước rằng quyền kiểm soát sẽ cho phép họ phê chuẩn, nghĩa là ban thưởng những công lao, nhưng nếu có dịp, họ cũng trừng phạt cả những lỗi lầm, nghĩa là sự vi phạm những lệnh cấm. **Trong đoạn văn, hãy ghi chú rằng người đứng đầu không bao giờ trừng phạt những sai lầm (ngay cả một lời khiển trách đơn giản). Sai lầm thuộc về con người, và sai lầm là nguồn gốc của sự tiến bộ, nếu người có trách nhiệm hiểu biết về mô phạm.** Việc áp dụng nguyên tắc bổ trợ cho phép những tiến bộ nhanh chóng một cách chính đáng, vì không có gì hữu ích hơn, khi phạm một sai lầm, rồi từ đó rút ra một bài học, ngay cả nếu bài học này đến từ người có trách nhiệm. Nếu sai lầm đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng, thì chính người đứng đầu phạm lỗi, khi không ngăn cấm một đường lối nguy hiểm, và họ chỉ có thể đổ trách nhiệm cho chính mình. Từ nay, người đứng đầu phải ngăn cấm đường lối nào có vấn đề, và nếu thuộc cấp cứ tái phạm, thì lúc bấy giờ, chính người đó sẽ phạm lỗi. Errare humanum, sed perverera diabolicum. **Chúng ta nhận thấy ngay lập tức rằng quyền kiểm soát là một yếu tố chủ yếu của việc áp dụng nguyên tắc bổ trợ, vì nếu thuộc cấp “gian lận”, bằng cách cứ giấu diếm những sai lầm và lỗi phạm, thì tai họa đến gần.**

Đây là những lời khuyên liên quan đến người có trách nhiệm. Mục kế tiếp sẽ bộc lộ thêm chi tiết về những điều kiện liên quan đến thuộc cấp!

## II. Những lời khuyên dành cho thuộc cấp

Điều này dẫn dắt chúng ta xem xét rằng những điều kiện mà chúng ta đã phát biểu như là cần thiết đối với việc áp dụng nguyên tắc bổ trợ về lâu dài, thì cũng đều liên quan đến thuộc cấp.

Trong trật tự tinh thần, thuộc cấp cũng phải khiêm tốn, thừa nhận rằng họ không hiểu biết tất cả mọi sự, không thể làm tất cả mọi việc, đón nhận những lời khuyên, việc đào tạo và những giới hạn thuộc về quyền tự trị của họ. Thuộc cấp phải tin tưởng vào người đứng đầu. Họ phải hy vọng vào bản thân, vào khả năng phát triển của mình.

Trong trật tự luân lý, thuộc cấp phải can đảm chấp nhận trách nhiệm, thận trọng trong cách cư xử hành động (biết yêu cầu sự giúp đỡ, hợp thực hóa những trực giác của họ). Họ phải thành thật khi báo cáo lại hành động của mình.

Trong trật tự theo phương pháp, thuộc cấp phải tin chắc rằng họ hiểu rõ nhiệm vụ của mình, những ngăn cấm giới hạn quyền tự trị của họ, những phẩm chất đòi hỏi nơi họ. Thuộc cấp phải cố gắng để hiểu

biết rõ bản thân. Họ phải học hỏi để báo cáo theo cách thức rõ ràng, vừa đầy đủ, vừa súc tích.

## Sự hoán cải tâm hồn đối với người có trách nhiệm, cũng như đối với thuộc cấp

Nhưng ở đây, chúng ta không chủ định thực hiện một giáo trình về thuật quản lý. Mục đích của chúng ta đơn giản là chỉ ra rằng nguyên tắc bổ trợ, bí quyết đối với Giáo huấn xã hội của Giáo hội, tất yếu diễn ra nhờ sự hoán cải tâm hồn của người đứng đầu, cũng như của thuộc cấp. Chúng ta không thể ngạc nhiên về điều này. Trong Thông điệp “Pacem in Terris” (Hòa bình trên Trái đất), khi Đức Giáo hoàng Gioan XXIII kêu gọi những người có thiện chí xây dựng một nền văn minh của tình yêu, thì đồng thời, ngài còn cho thấy tầm quan trọng của sự được thua, và những đòi hỏi của ngài đối với con người.

Chính tình yêu là nguồn gốc của nguyên tắc bổ trợ, vì tình yêu nhằm mục đích sao cho mỗi người đều có thể hưởng thụ tối đa quyền tự trị trong đời sống xã hội, trong khi vẫn hoàn toàn tôn trọng những quyền lợi cơ bản của người khác, và công ích của các cộng đồng mà trong đó họ sống. Như chính Đức Giáo hoàng Gioan XXIII đề cập đến điều đó, lời kêu gọi này về việc thực hiện một nền văn minh của tình yêu nhằm đến tất cả những người thiện chí, dù họ có Đức tin hay không, vì Đức tin vốn là ân huệ của Thiên Chúa.

Ngoài ra, kinh nghiệm còn cho thấy rằng nguyên tắc bổ trợ cực kỳ dễ áp dụng trong mọi cộng đồng nhân loại của thời đại chúng ta, với hai điều kiện:

- Không sử dụng một cách gượng gạo từ ngữ nào có thể gây chán nản, nhưng hãy chứng tỏ những lợi ích và cách áp dụng thực tế của nguyên tắc bổ trợ.

- Không nói rằng nguyên tắc này là một phần chủ yếu thuộc về Giáo huấn xã hội của Giáo hội, vì điều này có thể gây chán nản đối với một số người thiện chí, nhưng vẫn vật lộn với những thành kiến, và, than ôi, một số Kitô hữu vẫn thường được chúng ta giới thiệu về Giáo huấn xã hội này của Giáo hội như là lỗi thời đối với thời đại “ánh sáng” của chúng ta!

Nhưng để áp dụng nguyên tắc bổ trợ, thì những điều kiện của trật tự tinh thần và trật tự luân lý đều cần thiết, như người ta vẫn nói bằng tiếng nói đa diện của thời đại. **Các đức tính khiêm tốn, hy vọng, sức mạnh, tình yêu, vốn làm phát sinh niềm tin, sự thận trọng, lễ công bằng** (trong lúc kiểm soát). Sự thành thạo phương pháp không phức tạp, nó nằm trong tầm tay của tất cả mọi người. Chắc hẳn có những người có năng khiếu hơn những người khác về cách truyền đạt, trực giác thấy nhiều hơn những



# Phẩm trật ông quan, phẩm giá con người

**P**hẩm trật<sup>1</sup> ông quan là phẩm trật có một đời, phận<sup>2</sup> có, khắc có. Phẩm giá con người là phẩm giá\* lưu truyền trăm đời, tự mình không cố gây dựng cho mình, thì không bao giờ có.

*Sĩ quân tử*<sup>3</sup> ta trông thấy cái giới ở ngoài giới, biết rõ cái người ở trong người, hiểu thấu đến cái vật ngoài vật ở đời, nghĩ xa đến cái thân sau thân hiện tại, thì biết đấng nào ngắn, đấng nào dài, đấng nào còn, đấng nào mất, chắc không ham mê *cái này*<sup>4</sup> mà quên bỏ cái kia.

## Chúc Tử

**Lời bàn:** Cái phẩm giá của người ta đối với cái phẩm trật ông quan, thì cái phẩm giá người đáng tôn quý lắm. Cho nên người làm quan đã có phẩm trật ông quan mà lại có được phẩm giá con người thì mới là đáng trọng. Chớ nếu làm quan mà để cho cái danh lợi làm mất hết cái nhân cách, phẩm trật quan làm trôi mất phẩm giá người, thì danh tuy gọi là quan mà thực không bằng người bạch đình vẫn còn giữ trọn phẩm giá. Ô! Người làm quan chẳng nên đọc Chúc Tử, cân nhắc hai bên phẩm trật và phẩm giá mà tư tưởng hành động cho phải hay sao!

(Theo “Cổ học tinh hoa” của Nguyễn Văn Ngọc và Trần Lê Nhân – NXB Trẻ)

1 Phẩm trật: bậc trên dưới của hàng quan lại tự lòng cửu đến chánh thất.

\* Quan niệm nguồn gốc phẩm giá ở mạch văn này là quan niệm của nhân gian, khác với nguồn gốc phẩm giá của GHXH là do chính Thiên Chúa tạo dựng.

2 Phận: Số mệnh trời phú cho người ta tốt hay xấu.

3 Sĩ quân tử: nói người có học thức.

4 Cái này: tức chỉ quan phẩm.

► người khác, để khám phá được những phẩm chất của con người, tiên liệu hơn đối với những sai lầm tiềm năng và những hậu quả của chúng.

**Thế rồi kinh nghiệm còn cho thấy rằng bí quyết cơ bản để áp dụng nguyên tắc bổ trợ vẫn là khả năng gây lòng tin đối với người khác, điều này rất thường xuyên là đặc tính tự nhiên của những người nào vẫn có một niềm tin mạnh mẽ vào bản thân.** Hoặc thật nghịch lý, những ai có niềm tin thực sự và vững vàng vào bản thân, thì đều là người tin tưởng vào... Thiên Chúa, khi nhận biết những giới hạn của mình. Họ biết rằng mình chỉ là những tôi tớ, và tôi tớ bất xứng, nhưng họ cũng biết rằng Thiên Chúa đã làm cho họ những điều tuyệt vời, và Người vẫn sẽ còn làm như vậy.

Chúng ta đã nói đến điều này, nhưng chúng ta vẫn phải lập lại không ngừng: **Từ khi tạo dựng, Chúa Cha**

**Hàng có Đời đời đã từng sử dụng niềm tin.** Người là gương mẫu của chúng ta, khi Người chính là Đấng áp dụng nguyên tắc bổ trợ, thậm chí Người còn giao phó việc Nhập thể của Con Chí ái Người cho một thụ tạo, Đức Trinh nữ Maria, gương mẫu cho tất cả những ai đón nhận một sứ mạng như Đức Giêsu, Con của Người, Đấng sẽ là gương mẫu của sự vâng phục Chúa Cha, trong sự tự do trọn vẹn của Chúa Con. Như vậy, chúng ta hãy cầu xin Thánh Thần Yêu ban cho chúng ta trí thông minh, để hiểu được nguyên tắc chủ yếu thuộc về Giáo huấn xã hội của Giáo hội; sức mạnh để áp dụng nguyên tắc này; và sự khôn ngoan để nhận biết rằng quyền tự trị hợp pháp trong xã hội tạm thời của chúng ta chỉ có thể thực hiện “sự dẫn dắt nhờ bàn tay của Thiên Chúa... Thật vậy, không có Đấng tạo Hóa, thì tạo vật đều biến mất” (Công đồng Vatican II, Hiến chế Vui mừng và Hy vọng, số 36).

◆ **Chuyên ngữ: Khánh Vân**

# Bổ trợ là nguyên tắc vàng cho một xã hội lý tưởng

## ◆ TÍN THÀNH

**T**hật vậy, vai trò của Nguyên tắc Bổ trợ là Giúp cho các thành phần phân cấp trong một hệ thống (chính trị, xã hội) được tồn tại và triển nở một cách vừa độc lập theo tính đặc thù của cấp mình, vừa liên đới và tương trợ lẫn nhau trong tính tổng thể, ngõ hầu đưa đến sự tồn tại và phát triển đồng bộ. Cụ thể các cấp cao hơn phải nâng đỡ và tạo điều kiện cho các cấp thấp hơn thực hiện tốt được vai trò của họ, theo xu hướng thăng tiến họ, chứ không can thiệp sâu, làm thay hay chèn ép, vì như thế sẽ làm thui chột và triệt tiêu cấp dưới. Do đó, **đặc thù của Nguyên tắc Bổ trợ là chống lại xu hướng thâm tóm quyền lực, độc tài toàn trị.**

### Nguyên tắc vàng cho một xã hội lý tưởng

Xét vai trò của Nguyên tắc Bổ trợ như trên, ta thấy Giáo huấn Xã hội Công giáo thừa nhận cuộc sống xã hội con người tại trần thế này được cấu thành, tồn tại và phát triển dưới dạng nhiều hình thức, nhiều phân cấp. Cơ cấu và các lãnh vực trong đời sống xã hội loài người thì vô cùng phong phú, cho nên khả năng, vị trí và vai trò của nhân sự đảm trách cũng cần thiết trở nên đa dạng. Xét về phẩm giá, mọi người như nhau trước Thiên Chúa, nhưng về điều kiện và hoàn cảnh, sức khỏe và khả năng, thì mọi người rất khác nhau, cho nên vị trí, vai trò và bổn phận trong cuộc sống cũng khác nhau là điều hiển nhiên.

Ở từng cấp độ, dầu cho vị trí, vai trò và công việc có tầm quan trọng, mức ảnh hưởng, độ nặng nhẹ hay cao thấp khác nhau, nhưng tất cả đều cần thiết và không loại trừ nhau. Từ đó suy ra, những người ở vị trí cao như bộ

trưởng, giáo sư đại học..., hay những người có vị trí rất nhỏ như tổ trưởng tổ dân phố, người phu quét đường..., cũng không được coi thường nhau, nhưng phải chuyên cần làm việc để hoàn thành phận sự của mình theo đúng khả năng, với sự nhiệt thành và thiện chí. Như thế, giá trị của công việc không hề tại nhiều ở vị trí, vai trò hay tính chất công việc cho bằng ở thái độ làm việc, có hoàn thành và thiện chí hay không. Một công việc dù nhỏ đến mấy, nhưng nhằm phục vụ đời sống con người, và được làm một cách chu đáo với sự thành tâm thiện chí, thì giá trị của nó cũng rất to lớn. Ví như người làm nghề rửa chén nhà hàng, nếu làm việc tử tế, rửa chén bát sạch sẽ, hợp vệ sinh, thì các Thiên Thần trên Trời cũng phải vui mừng mà ca khen họ.

Một lát cắt nhỏ: Ở Nhật, có những người chỉ làm công việc quản gia, nhưng họ cũng làm rất tốt, rất trung thành, có khi truyền từ đời bố sang đời con. Họ coi nó như một nghề chính đáng. Và điều đáng nói là họ vui vẻ, trân trọng đón nhận công việc và làm một cách cẩn mẫn, chuyên chăm, chứ không tự ti mặc cảm, hay than vãn kêu ca. Điều đáng nói hơn nữa là ông chủ của gia đình cũng luôn tin tưởng và tôn trọng người quản gia (người làm công), tôn trọng từ cách sắp đặt công việc cho đến những quyết định của người quản gia trong tinh thần bàn bạc và hỏi ý kiến nhau. Phải chăng từ những tinh thần làm việc như thế, mà nước Nhật phát triển nhanh mạnh, xã hội Nhật văn minh,

bởi: "Ai trung tín trong việc rất nhỏ, cũng trung tín trong việc lớn, ai bất nghĩa trong việc rất nhỏ, cũng bất nghĩa trong việc lớn." (Lc 16,10)



Phân tích trên đây để rút ra kết luận rằng, trong đời sống xã hội, tất cả các phân cấp và lãnh vực đều nằm trong mối quan hệ

liên đới, bổ túc cần thiết cho nhau. Và những nhân sự đảm trách vị trí, vai trò, công việc thuộc các phân cấp và lãnh vực đó cũng không có lý do gì để coi thường và triệt tiêu nhau, ngược lại, phải cộng tác và hỗ trợ lẫn nhau đúng mực. Do đó, không một cá nhân hay tập thể nào, được cho mình cái đặc quyền, đặc lợi; và càng không có quyền chi phối, thao túng, hay tước đi quyền lợi chính đáng của các cá nhân hay tổ chức thuộc cấp độ thấp hơn. Như thế, nguyên tắc Bổ trợ chính là kim chỉ nam để xây dựng một xã hội có tôn ti, trật tự; là một trong những nền tảng để xã hội đạt đến sự ổn định, công bằng, dân chủ và văn minh thực sự ◆

# Lời nói



# việc làm



## ◆ MẪU BÚT CHÌ

Tôi viết về một linh mục, không phải để ca tụng hay tán dương ngài, nhưng để chia sẻ một tấm lòng.

Ngài giỏi thật đấy: Học vị cao, chức vị lớn. Nhưng thiếu nhi trong xứ thích lân la, cà rà vào tận bếp ăn của ngài chỉ vì ngài là một “ông cha” vui tính, bình dân. Ngài đi giảng dạy, tập huấn, tĩnh tâm... khắp đó đây, nhưng giáo dân thích chào hỏi, thăm nom ngài chỉ vì ngài rất đơn sơ, giản dị, dễ hòa đồng. Từ lúc ngài về nhận xứ, hình như các bà và các ông đều thấy vui vẻ, thoải mái khi lui tới giúp việc xứ. Họ thấy nhà xứ như nhà mình, việc xứ như việc mình.

Chúng tôi không phải là con chiên bốn đạo của ngài, nhưng lại may mắn được tham dự những lớp học thuần túy đạo đức, luân lý do chính ngài trực tiếp giảng dạy. Ngài dạy cho chúng tôi nhiều lĩnh vực: Kinh Thánh, Thần học luân lý, và cách riêng Giáo huấn Xã hội Công giáo (GHXHCG). Những gì chúng tôi học được ở ngài thì không đến từ sách vở từ chương mà đến từ kinh nghiệm sống cụ thể điều ngài đang giảng dạy.

Sau khi học qua nguyên tắc **nhân vị, công ích, liên đới**, chúng tôi học đến nguyên tắc cuối cùng trong bốn nguyên tắc cơ bản của GHXHCG: nguyên tắc **bổ trợ**. Dựa trên nguyên tắc này, **“mọi xã hội thuộc trật tự cao hơn phải có thái độ trân trọng giúp đỡ (subsidiary) – tức là hỗ trợ, đẩy mạnh phát triển – các xã hội thuộc trật tự thấp hơn... Thật sai lầm khi rút khỏi tay cá nhân những gì họ có thể làm được dựa vào sáng kiến và sự chuyên cần của mình để trao cho cộng đồng”** (x. GHXHCG số 186).

Mặt khác, Chúa tạo dựng mỗi người là một **chủ thể sáng tạo** với những khả năng và tiềm lực khác nhau.

Sự bổ trợ tương thích giữa các cá nhân sẽ tạo nên nguồn lực mạnh mẽ cho cộng đồng. Để áp dụng hiệu quả các nguyên tắc của GHXHCG, phải tôn trọng đồng bộ bốn nguyên tắc cơ bản này mà không thể khinh suất bất cứ một nguyên tắc nào. Điều đó đòi hỏi người lãnh đạo phải có cái tâm thiện, cái trí sáng, và một sự cảm nhận tinh tế, nhạy bén, để sử dụng đúng người, đúng khả năng sáng tạo, đặt họ vào đúng vị trí thích hợp. Cần mời gọi và cổ vũ sự **tham gia** của mọi người vào việc chung – **tham gia** là một hệ luận điển hình của nguyên tắc bổ trợ. Bởi **“sự tham gia là một trong những trụ cột nâng đỡ mọi trật tự dân chủ”** (x. GHXHCG số 190). Thế nhưng, giữa một cộng đoàn, nếu không **tôn trọng sự khác biệt** của mỗi cá nhân, dẫn đến đổ kỵ, phản cảm với nhau thì không thể liên đới, tham gia hay bổ trợ cho nhau được. Ngược lại, sự hỗ trợ hay can thiệp quá sâu sẽ bóp chết **thần khí và khả năng sáng tạo** của người khác.

Ngài dạy hay lắm! Nhưng chúng tôi chưa thỏa. Chúng tôi muốn được nhìn thấy những nguyên tắc ấy sống động “tung tăng” như cá bơi trong bể bơi! Ngài cười: “Đến mà xem!” Cái mà ngài muốn cho chúng tôi xem là bếp ăn từ thiện giúp sinh viên nghèo tại giáo xứ của ngài.

Chúng tôi làm một cuộc “mục kích bất ngờ” đến bếp ăn này vào một buổi trưa nắng chang chang. Trái với cái oi bức ngọt ngào bên ngoài, khu vực bếp ăn mát rượi bóng râm. Một nhóm có đến gần mười phụ nữ, vừa “các bà”, “các cô”, “các chị”, miệng râm ran nói cười mà tay thì thoăn thoắt, người bới, người đơm. Món kho, món nấu, món xào, món nào cũng bắt mắt, cũng thơm phưng phức làm cồn cào bao tử. Dẫu có tưởng tượng hình dung, nhưng những gì diễn ra trước mắt quả thật làm chúng tôi ngỡ ngàng: Rất thân tình, rất

► nhíp nhàng và hồ hởi. Chắc chắn bên trong phải có một sự tổ chức khoa học, một động lực tinh thần mạnh mẽ, tự nguyện, thỏa mãn. Không ngăn được sự tò mò, tôi liền “thu thập tư liệu” để làm ngay một bài “thẩm định” các nguyên tắc:

- Hướng đến phục vụ con người, đối tượng là các sinh viên nghèo xa quê, thiếu vắng tình thương và sự chăm sóc của gia đình. Mục đích không dừng lại ở việc giúp các em có được một bữa ăn ngon, đủ dưỡng chất, nhưng còn là để khơi gợi lên nơi các em một nếp sống yêu thương, biết quan tâm đến người khác, biết hướng về nhau, hướng về những vấn đề của cộng đồng và xã hội: Đáp ứng nguyên tắc **nhân vị**, và rõ ràng là phục vụ **công ích**.

- Để “vận hành” được bếp ăn, cần có sự **liên đới** góp công, góp sức của nhiều giáo dân và nhiều mạnh thường quân xa gần.

- Cha chánh xứ chỉ đưa ra ý tưởng rồi **“giao quyền”** cho hai cha phó thực hiện, một cha lo việc điều phối nguồn thu – chi, một cha sắp xếp các công việc cụ thể. Khi cần, cha chánh sẽ hỗ trợ kịp thời về tài chánh hay một nhu cầu nào đó. Các phụ nữ tình nguyện tham gia nấu ăn được chia thành nhiều nhóm, mỗi nhóm phục vụ chỉ một ngày trong tuần (khoảng 100 phần ăn). Các nhóm này được tùy ý chọn món và **sáng tạo** khẩu phần ăn sao cho vừa ngon, vừa bổ dưỡng mà vẫn vừa túi tiền. Thảo nào các bà, các cô không ra sức trổ tài và chăm chút sản phẩm của mình. Quả là **tham gia** và **bổ trợ** đã được thực hiện quá chặt chẽ và hợp lý. Các bà các cô mời gọi nhau đến ngày càng đông, ai cũng phấn chấn, thích thú.

Học thế này thì dễ hiểu và dễ thuộc bài thật! Tôi lại chợt nhớ đến lời một linh mục đồng hành rất thương mến của nhóm chúng tôi rằng: “Nếu biết áp dụng GHXHCG vào thực tế cuộc sống, nó không còn là một giáo thuyết **“khô – khô – kén”** nữa, mà sẽ sinh động vẫy vùng như cá lớn trở về với đại dương...”

Ngài như thế đó! Có thể là già nhưng không hề thủ cựu. Cái chất “giáo sĩ trị” không thấy “dính bết” trong phong cách của ngài. Giáo dân đến với ngài không khúm núm, căng thẳng, bầm thưa, nhưng thân tình, gần gũi lạ. Một vị mục tử khiêm nhu như ngài, chắc hẳn đẹp lòng Chúa lắm! ♦

# PHÙ VÂN PHÚ

(phỏng theo sách **Giảng viên**)

## ◆ BÙI NGHIỆP

**Lời tựa:** Tổ chức Theo dõi Nhân quyền (HRW) hôm 17/10/ 2012 công bố bản báo cáo điều tra chi tiết dài hơn 50 trang về những giờ phút cuối cùng trong đời cựu lãnh đạo Libya bị lật đổ Muammar Gaddafi (qua đời vào ngày 20/10/2011). Sau một thời gian dài điều tra kỹ lưỡng ở hiện trường, khám nghiệm tử thi, phỏng vấn nhiều nhân chứng. Bản báo cáo của HRW có đoạn: “Ngay khi các phiến binh bắt được Gaddafi, họ liền hành hạ ông ta. Máu phun ra từ vết thương ở đầu do mảnh lựu đạn. Khi ông bị lôi ra con đường lớn, một dân quân dùng một vật trông giống lưỡi lê đâm vào hậu môn Gaddafi, tạo thêm một vết thương chảy nhiều máu”. Đám dân quân sau đó tiếp tục đâm đá Gaddafi liên hồi. Tại thời điểm bắt được Gaddafi, nhóm dân quân hoàn toàn bất ngờ về sự có mặt của cựu lãnh đạo Libya ở Sirte. Đoạn video clip (quay bằng di động) mà HRW thu được ghi lại quãng thời gian 3 phút rưỡi sau khi Gaddafi bị bắt. Đám dân quân vây quanh Gaddafi, miệng liên tục hét to “Allahu Akbar!”.

Gaddafi, nhà lãnh đạo Libya nổi tiếng độc tài - đã gọi là độc tài thì không thể nói đến ‘nguyên tắc bổ trợ’. Đó là nguyên tắc vàng để giúp đất nước phát triển và giúp lãnh đạo xây dựng ‘hình ảnh đẹp’ của mình in vào lòng thuộc cấp, in vào lòng dân. Nhà lãnh đạo này đã không làm được điều đó, thay vì ‘lắng nghe tiếng nói’ của những thành phần muốn góp phần xây dựng Libya phồn vinh ông lại thích ‘lắng nghe tiếng nói’ của những thành phần thích nịnh hót, chỉ thích củng cố quyền hành và địa vị. Hồi kết sự nghiệp của ông là những lời nguyện rửa và bài phú dưới đây cũng lời cảnh tỉnh dành cho lãnh đạo độc tài ...

Cần khôn luân chuyển;  
Vũ trụ tuần hoàn.  
Nhất sinh bào ảnh;  
Vạn thế phù vân

Nhìn nước chảy một chiều cao xuống thấp;  
Ngắm gió xoay tứ hướng bắc rồi nam.  
Điều đang có rồi ra sẽ có;  
Chuyện đã làm tất cũng phải làm.  
Khổ đau lắm vì chưng đa hiểu biết;  
Phiền muộn nhiều bởi lẽ lắm khôn ngoan.

**Kìa aí:**

Thâu gom ngà ngọc;  
Tích góp bạc vàng.  
Nhất hô thiên ứng;  
Duy lệnh bá cung.

Gác tía lầu son, đất đai cuồn chân ngựa chạy,  
dính kho chục đội quân canh,  
Ngoài ngõ lao xao kẻ đưa người đón;  
Nhà cao cửa rộng, đồng ruộng thẳng cánh cò bay,  
chuồng trại trăm đàn gia súc, trong nhà nườm nượp  
đầy tứ giá nhân.  
Sáo lộng tiêu hòa, rộn rã sân rồng cổng phượng;  
Ăn sung mặc sướng, nghỉ ngơi gối gấm màn loan.

**Hay chăng?**

Ảo ảnh ảo ảnh y ảo ảnh!  
Phù vân phù vân tất phù vân!  
Một thời sinh tử - khóc cười - yêu ghét;  
Mấy cuộc gieo trồng - hòa chiến - lượm quặng?

Lợi lộc chứ kẻ bo bo giữ của?  
Vẻ vang gì người chăm chặp ôm danh?



Đứa khờ khạo ngây ngô, sự nhung nhớ đâu hần  
dấu tích;  
Người tài cao trí thượng, điều lãng quên mất vết  
thời gian.

Chẳng giữ được lại ra công tốn sức;  
Không lưu tồn sao tổn trí hao tâm?  
Dưới vàng dương, là bóng ngựa qua khe sớm  
biển;  
Trên mặt đất, chỉ dã tràng xe cát mau tan.

Hăm he thả mồi bắt bóng;  
Công cốc giật quýt dành cam.  
Biển bốc hơi thì bay lên tụ hợp;  
Mây đầy nước lại đổ xuống tràn lan.

**Vậy nên:**

Trừ khử đớn đau ngoài xác;  
Đẩy lui phiền muộn nội tâm.  
Chuối tuổi già đàng đẵng dài lâu, đừng nã nề  
khí đã xế;  
Đời thanh trẻ vụt qua thoáng chốc,  
Cứ vui hưởng lúc còn xuân.  
Công trình bởi Chúa tạo, chẳng biết lúc nào, vậy  
sáng sáng cần đi gieo chăm chỉ;  
Thành quả do Trời ban, nào hay thời điểm, nên  
chiều chiều cứ đứng cấy chuyên cần.

Lục lợi chút bạc tiền, đôi ba người hãy giúp;  
Sốt chía niêu cơm bánh, vài bốn kẻ cùng ăn.  
Chớ chờ lúc cuối cùng gõ cửa;  
Đừng đợi khi kết thúc sang thăm.  
Còn chí nữa lúc mặt trời mờ ánh sáng;  
Có gì chẳng khí tinh tú lặn tối tăm.

**Vì ngày ấy:**

Thiếu nữ tính anh, giờ đã run tay mờ mắt;  
Chàng trai vạm vỡ, nay thành khuy gối sụm  
chân.  
Đường sinh bỗng nhiên khép lối;  
Cửa tử thoáng chốc mở toang.  
Tất cả đâu tồn tại;  
Mọi điều sẽ lặng câm.  
Ảo ảnh - ảo ảnh!  
Phù vân - phù vân!

.....

Lạy chúa Trời! Xin đổ mưa thiêng quyền phép!  
Tâu Thượng đế! Hãy ban gió thánh chí nhân...

# NHỮNG THÁCH ĐỐ CỦA NGUYÊN TẮC

## “Vận mệnh phổ quát của tài sản”

◆ Ban CL&HB TGP. HUẾ

### Nguyên tắc “Vận mệnh phổ quát của tài sản” bắt nguồn từ Kinh Thánh

- Sau khi đưa dân Israel thoát khỏi vòng nô lệ, Thiên Chúa chọn họ làm “Dân riêng”, và hứa cho họ một vùng đất mới làm gia nghiệp (Lv 20, 24; Đnl 11, 24-25; Ds 1, 1-4) nhưng đòi hỏi họ phải xây dựng một cộng đồng bình đẳng và huynh đệ, trong đó người với người là anh em và miền đất hứa phải là sản nghiệp chung của tất cả mọi thành phần trong xã hội, không là tư hữu của riêng ai.

- Do định hướng xây dựng một cộng đồng bình đẳng này, mà Thiên Chúa vẫn duy trì quyền sở hữu chủ của tất cả đất đai và ruộng vườn. “... Đất được ban cho mỗi gia tộc tùy theo số người được kiểm tra. Đất được chia theo lối bắt thăm ...” (Ds 26, 53-56) và để tránh tình trạng ruộng đất tập trung vào tay một số ít người, Thiên Chúa đã truyền “Đất không được bán đứt, vì đất là của Ta, còn các ngươi chỉ là ngoại kiều, là khách trọ nhà ta” (Lv 25, 23), nếu lâm cảnh túng thiếu, phải bán, hoặc cầm cố thì được quyền chuộc lại (Lv 25, 25). Như thế, chúng ta chỉ là người quản trị, chứ không phải là sở hữu chủ tuyệt đối.

- Trong thời kỳ đầu, hệ thống tổ chức của Israel biểu lộ cơ cấu của một xã hội huynh đệ, bình đẳng và liên đới. Xã hội được xây dựng trên nền tảng gia tộc, theo chế độ thân quyền tuyệt đối: Giavê là thủ lãnh duy nhất và mọi người là anh em, bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ và phẩm giá (Đnl 8, 22-23; 1Sm 8, 6-7; Ds 23, 21-22).

- Nhưng sau đó, dẫu đã được ngôn sứ Samuel cảnh báo về mặt trái của chế độ quân chủ (1Sm 8, 11-18), dân Israel vẫn muốn sống theo chế độ quân chủ giống như các nước chung quanh. Và biến cố này là một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử chính trị và tôn giáo của dân Israel; là nguyên do gây nên sự phân hoá xã hội và hố ngăn cách giữa người giàu và người nghèo.

- Một “Dân tộc được tuyển chọn” đã bắt trung, nhưng Thiên Chúa, “Đấng bảo vệ và bênh vực” những người nghèo khó, bé mọn, cô thân cô thế đã đưa ra một số

biện pháp để giảm nhẹ cảnh khốn cùng của người nghèo và tái lập nguyên tắc “vận mệnh phổ quát của tài sản”. Chẳng hạn, cứ mỗi ba năm phải dành tất cả thập phân hoa lợi cho những người không có sản nghiệp (Đnl 14, 28-29) và cứ mỗi bảy năm phải thi hành “năm tha nợ” (Đnl 15, 1-2). Đặc biệt, cứ 50 năm phải cử hành “Năm Hồng ân” xoá bỏ nợ nần, trao lại ruộng đất cho người cầm thế và trả tự do cho các nô lệ (Lv 25, 10).

### ...đến các văn kiện của Giáo Hội và các Đức giáo hoàng

Kế thừa giáo huấn của Kinh Thánh, các Giáo phụ và các Tiến sĩ Hội thánh

- Công đồng Vatican II, trong Hiến chế Gaudium et Spes (Vui mừng và Hy vọng), 1965, số 69, tuyên bố: “Thiên Chúa đã chỉ định Trái đất và những gì chứa đựng trong đó thuộc quyền sử dụng của tất cả mọi người và mọi dân tộc. Chính vì thế, của cải tạo dựng phải được phân phối cho tất cả mọi người một cách quân bình theo nguyên tắc công lý, một nguyên tắc gắn liền với bác ái”.

- Đức Giáo hoàng (ĐGH) Phaolô VI, qua Thông điệp Populorum progressio (Phát triển các dân tộc), 1967, số 22 tái xác quyết, “nguyên tắc vận mệnh phổ quát của tài sản” bắt nguồn từ những trang đầu của Kinh Thánh, và giải thích, khi Thiên Chúa chúc lành cho nguyên tổ và nói với họ “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất và thống trị mặt đất” (St 1, 28), Thiên Chúa muốn cho chúng ta hiểu rằng “Tất cả vũ trụ được tạo dựng nên cho con người. Họ có trách nhiệm dùng trí thông minh để phát triển vũ trụ và kiện toàn nó bằng lao động ... Trái đất đã được dựng nên để cung cấp phương tiện sinh sống và khí cụ tiến bộ cho mỗi người, do đó mỗi người có quyền tìm thấy ở đó những điều kiện cần thiết cho mình”.

- Với Thông điệp Centesimus Annus (Bách chu niên), 1991, số 31, ĐGH Gioan Phaolô II, Thiên Chúa trao tặng Trái đất, quà tặng đầu tiên của Thiên Chúa, cho tất cả nhân loại để trái đất nuôi sống mọi người, không loại trừ và cũng chẳng độc quyền cho riêng ai.

- và ĐGH Gioan Phaolô II, qua Thông điệp Laborem Exercens Lao động con người, 1981, số 19: Cõi vận mệnh phổ quát của tài sản là nguyên tắc thứ nhất của tất cả trật tự đạo đức kinh tế và là nguyên tắc đặc trưng của Giáo huấn xã hội Công giáo (Thông điệp Sollicitudo Rei Socialis, Quan tâm đến vấn đề xã hội, 1987, số 42).

### **Nội dung của nguyên tắc “Vận mệnh phổ quát của tài sản”**

Đến đây, chúng ta có thể phát biểu nội dung của nguyên tắc “Vận mệnh phổ quát của tài sản” theo Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội Công giáo là:

- Trái đất và những gì chứa đựng trong đó thuộc quyền sử dụng của tất cả mọi người và mọi dân tộc. Chính vì thế, của cải tạo dựng phải được phân phối cho tất cả mọi người một cách quân bình theo nguyên tắc công lý, một nguyên tắc gắn liền với bác ái”. Và là một quyền tự nhiên, căn bản của con người.

- “Vận mệnh phổ quát của tài sản” là nguyên tắc thứ nhất của tất cả trật tự đạo đức kinh tế và là nguyên tắc đặc trưng của Giáo huấn xã hội Công giáo.



*Khoảng cách giàu nghèo ngày càng gia tăng. Không khó để bắt gặp hình ảnh những siêu xe có giá khoảng \$500.000 và hơn thế nữa song hành cùng xe đạp*

### **Những thách đố của nguyên tắc “Vận mệnh phổ quát của tài sản”**

- Trong Thông điệp Centesimus Annus (Bách chu niên), 1991, số 31, ĐGH Gioan Phaolô II viết, Trái đất sẽ không sinh hoa trái nếu không có sự cộng tác của con người. Nhờ lao động và nhờ sử dụng lý trí cũng như tự do, con người thống trị Trái đất, biến nó thành nơi cư ngụ thích hợp cho mình. Với cách thế đó, con người chiếm hữu một phần Trái đất, phần mà con người dành được nhờ lao động, nguồn gốc của quyền tư hữu cá nhân. Không ai có quyền cản trở người khác chiếm hữu phần của họ trong tặng vật của Thiên Chúa, trái lại phải cộng tác với

mọi người để cùng nhau chung hưởng quà tặng ấy.

- Ở số 32, Ngài viết tiếp: Ngày xưa, yếu tố quyết định sản xuất là đất đai, sau đó, là tư bản thì ngày nay, ngược lại, yếu tố quyết định là “chính con người”, cũng gọi là “tư bản nhân văn”. Với những thành tựu của khoa học, kỹ thuật trong sản xuất hiện nay, kiến thức nói riêng, và tư bản nhân văn nói chung, giữ vai trò quan trọng. Sự giàu có của các quốc gia kỹ nghệ hoá dựa trên tư hữu nhân văn nhiều hơn dựa trên tư hữu những nguồn lợi thiên nhiên. Chính những “tư hữu mới” đã giúp nhân loại trong thiên niên kỷ thứ ba này sở hữu những tài sản vật chất và kỹ thuật lớn lao nhất trong lịch sử loài người. Nhưng cũng chính những tư hữu mới này lại làm cho hố phân cách giàu nghèo hiện nay ngày càng thêm sâu rộng (số 32).

- Trong bối cảnh toàn cầu hóa, với nền kinh tế tri thức, những ai, không phải ít trong số những người lao động, không có kiến thức cơ bản để thích nghi với nền sản xuất hiện đại sẽ bị loại trừ. Nhân loại đang dẫn rơi vào thảm trạng thất nghiệp, nghèo đói, xã hội ngày càng trở nên bất ổn.

- Đức Biển Đức XVI, trong Thông điệp Caritas in veritate (Tình yêu trong sự thật), 2009, số 22, đã phải lên tiếng, trong những vùng nghèo đói nhất, một nhóm lại thụ hưởng một thứ “siêu phát triển” về thu nhập, hưởng thụ, hoang phí, tương phản một cách không thể chấp nhận được với đa số dân chúng nghèo đói, .....mặc dù nhân loại đang ở vào giai đoạn toàn cầu hóa và Tổ chức Thương mại Thế giới phát triển mạnh, nhưng từ phía các nước giàu vẫn còn những hình thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cách thái quá, đặc biệt trong lĩnh vực y tế.

- Không thể buộc “Một Bill Gates” giàu có nào đó chia sẻ tài sản kếch xù của ông cho những người nghèo đói, ngoài lòng từ tâm của ông? Làm sao trưng thu tài sản của “Một Bill Gates” giàu có nào đó vào tài sản chung của nhân loại được vì còn đó luật sở hữu trí tuệ và quyền tư hữu?

- Hội đồng Giáo Hoàng về Công Lý và Hoà bình rất có lý khi đề nghị “tái nghiên cứu nguyên tắc Vận mệnh phổ quát của tài sản trên Trái đất”. Cần “... phải đem các kiến thức mới về công nghệ và khoa học để phục vụ nhu cầu thiết yếu của con người, ngõ hầu làm tăng trưởng dần dần tài sản chung của nhân loại” (Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo Hội Công giáo, số 179). Xem ra, việc tiếp tục nghiên cứu để làm sáng tỏ mối tương quan phức tạp giữa quyền tư hữu, nhất là sở hữu trí tuệ với “vận mệnh phổ quát của tài sản” là vấn đề nan giải, nhưng hy vọng trong tình liên đới giữa người với người, trong tình bác ái, nhờ Chúa Thánh Thần, nhân loại còn có đường ♦

# Ứng viên phó TT Mỹ, PAUL RYAN nói về nguyên tắc Bỏ trợ



*Trong một phỏng vấn của hãng tin CBN ngày 10/04/2012, Chủ tịch Ủy ban Ngân sách Hạ viện, từng là ứng viên phó tổng thống trong chiến dịch tranh cử của Mitt Romney, nói rằng đức tin Công giáo đã giúp ông hoạch định kế hoạch ngân*

*sách liên bang. Ông còn cho biết thêm “nguyên tắc Bỏ trợ” đã hướng dẫn quá trình tư duy của ông và nguyên tắc này nhất quán với giáo huấn xã hội Công giáo. Xin trích lại đoạn nói về nguyên tắc Bỏ trợ.*

*Mời quý độc giả xem bản tin và video clip tại:*

*<http://blogs.cbn.com/thebrodyfile/archive/2012/04/10/only-on-brody-file-paul-ryan-says-his-catholic-faith.aspx>. BBT*

**PV. David Brody:** Xin ông vui lòng nói một chút về vấn đề luân lý và nợ nần. Đức tin Công giáo của ông đóng vai trò nào trong cách ông hoạch định ngân sách?

**Paul Ryan:** Đức tin của một con người quyết định cách ứng xử của người đó nơi công cộng và ở chốn riêng tư. Cho nên đối với tôi, sử dụng đức tin Công giáo, ta gọi đó là giáo huấn xã hội, đó là làm thế nào để áp dụng học thuyết của giáo huấn vào đời sống hàng ngày với tư cách là người giáo dân?

Đối với tôi, nguyên tắc bỏ trợ, thực sự mang tính liên bang, nghĩa là khi chính phủ gần gũi nhất với người dân, chính phủ quản lý tốt nhất, có một xã hội dân sự theo nguyên tắc liên đới, ở đó qua các tổ chức dân sự, các nhà thờ, các tổ chức từ thiện và qua tất cả các nhóm khác nhau, chúng ta tương tác với nhau như một cộng đồng, đó là cách ta đẩy mạnh công ích. Bằng cách không có chính phủ công kênh choán chỗ của xã hội dân sự, nhưng thay vào đó có khoảng không gian cho các cộng đồng sinh hoạt tương tác, và chăm sóc những ai thấp bé và bị ra rìa trong các cộng đồng của chúng ta.

Những nguyên tắc này rất, rất là quan trọng, và ưu tiên lựa chọn người nghèo là một trong những nguyên tắc hàng đầu của giáo huấn xã hội Công giáo, nghĩa là đừng để người dân ở mãi trong tình trạng nghèo khổ, đừng làm người dân lệ thuộc vào nhà nước khiến đời sống của họ bế tắc loay hoay đậm chân tại chỗ. Hãy giúp họ thoát khỏi cảnh nghèo đói để sống tự lập, tự chủ...

**M**uôn loài đây là nói luôn cả loài người và các loài động-thực vật trong một chỉnh thể toàn hảo do công trình sáng tạo vĩ đại của Tạo Hóa. Mùa xuân biểu thị niềm vui và hạnh phúc, sự sinh sôi nảy nở và đổi mới của muôn loài sinh vật, nhưng loài người xưa nay dường như chỉ chú ý đến việc kiến tạo hạnh phúc và sự thoải mái cho mình, còn các loài động-thực vật, nhất là động vật cao cấp có máu thịt-tình cảm thì bị rẻ rúng, bỏ rơi, mặc cho chúng phải đau đớn khổ sở vì bị giết hại hằng ngày làm thức ăn, thuốc uống... phục vụ cho cái bao tử, sự ngon miệng và sức khỏe của loài người “linh ưu vạn vật” (khôn, thiêng hơn muôn vật)...

Càng đến các ngày lễ tết bao nhiêu, các loài động vật càng đau khổ bấy nhiêu. Biểu hiện cụ thể là việc tàn sát các loài động vật hoang dã, làm mất cân bằng sinh thái dẫn đến những hệ quả nguy hại cho chính sự sống loài người, và việc giết mổ các thú vật nuôi để ăn thịt...

Trong loài vật, có những loài rất tinh khôn như khỉ, chó, thỏ, mèo... Những loài khác tạm gọi kém hơn như heo, dê, bò, gà vịt... đều biết sợ hãi khi thấy sắp nguy đến tính mạng, và chúng cũng đau đớn, la hét thảm thiết giống như loài người khi bị giết mổ, nhất là những cách xử lý dã man như đập đầu, trấn nước, xẻo thịt, móc mật... con vật sống.

Thời xưa Khổng Tử (551-479 TCN) từng nói “Nhân cập cầm thú” (lòng nhân đạt đến cả loài chim thú), nhưng Khổng Tử có chỗ mâu thuẫn, vì ông cũng ăn thịt do người khác giết mổ. Thậm chí sách vở còn kể rõ ông hơi khó tính trong chuyện ăn uống, như “Cá ươn mà thịt đã nhão thì không ăn... Rượu bán ở cửa hàng không uống, thịt mua ở chợ không ăn” (Ngư nổi nhi nhục bại bất thực... Cô tẩu, thị bò bất thực- Luận ngữ, “Hương đảng”). Như vậy dường như ông chỉ thích ăn thịt tươi, mới giết mổ.

Mạnh Tử (372-289 TCN), sống sau Khổng Tử gần 2 thế kỷ, cũng có lòng trắc ẩn khi thấy con vật bị giết mổ đau đớn, nên phát biểu còn bài bản hơn: “Người quân tử đối với loài chim thú, trông thấy nó sống không nở trông thấy nó chết, nghe tiếng nó kêu mà không nở ăn thịt nó, cho nên người quân tử phải tránh xa chuyện bết núc” (Quân tử chi ư cầm thú dã, kiến kỳ sinh bất nhẫn kiến kỳ tử, văn kỳ thanh bất nhẫn thực kỳ nhục, thị dĩ quân tử viễn bào trù dã- Mạnh Tử, “Lương Huệ Vương thượng”).



# trả Lại mùa xuân cho muôn Loài

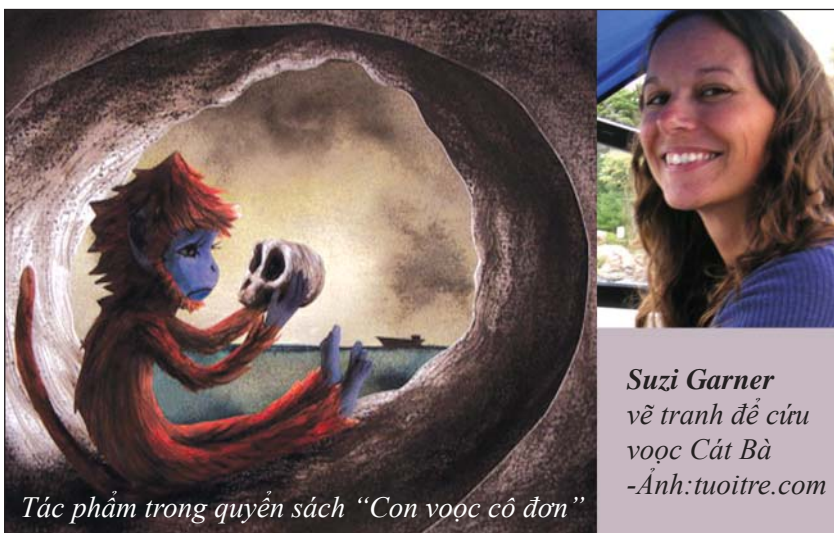
◆ TRẦN VĂN CHÁNH

Vì những câu nói như trên mà đám hậu sinh về sau có người cho nhà Nho đạo đức giả, lòng không nở thấy con vật bị đau đớn, tránh việc bấp bực, nhưng vẫn muốn ăn ngon toàn thịt tươi, do những kẻ “tiểu nhân” tức dân thường làm ra! Tương tự như bây giờ, không ít người miệng vẫn thích ăn thịt chó nhưng không nở thấy người ta giết chó một cách tàn nhẫn, hễ ai làm sẵn thì ăn vậy.

Các ông “thánh hiền” thời xưa có dối lòng không? Chắc là không, nhưng họ lại vướng phải sự mâu thuẫn bản thân giữa lòng trắc ẩn với dục vọng ngon miệng, xét cho cùng cũng là sự mâu thuẫn thường tình chung của loài người từ cổ chí kim, giữa tình cảm với lý trí, và giữa lý trí với hành động.

Về vấn đề này, dường như Phật giáo đã có cách giải quyết tạm ổn bằng chủ trương ăn chay, cấm sát sinh, một trong 5 giới cấm cơ bản của người Phật tử. Nhưng với những cộng đồng tôn giáo và xã hội khác, vấn đề xem ra còn khá rắc rối, đơn giản chỉ vì người ta gần như không thể không ăn thịt những loài vật khác, dưới hình thức động vật hoang dã (sơn hào hải vị) hoặc thú nuôi (gia súc).

Tại một số quốc gia tiên tiến, mà giai đoạn đói đã qua rồi, nền giáo dục phát triển cao, các nhà cầm quyền đã giải quyết được phần lớn vấn đề bằng cách đưa ra những đạo luật cấm hành hạ súc vật, và không được giết mổ đại đa số loại con vật theo cách có thể làm cho chúng bị đau đớn. Ngoài ra, tại những quốc gia này (như Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Bỉ, Hà Lan...), súc vật nuôi nhà hoặc nuôi trong chuồng trại còn được bảo vệ ở mức tối đa có thể, cấm người nuôi không được làm cho chúng phải ở trong tình trạng chật chội, thời tiết nóng nực, kém thoải mái, và phải có sự chăm sóc y tế thích hợp...



Theo một cách nhìn nào đó thì như vậy “phú quý mới sinh lễ nghĩa”, mới tạo được lòng nhân, nhưng ít ai để ý rằng để có được thứ lễ nghĩa đó, những cộng đồng ăn nhiều thịt tươi sống phải đi con đường vòng “tội ác”, bằng cách tom góp thật nhiều thịt ngon do những cộng đồng khác nghèo hơn cung ứng. Tại những cộng đồng xã hội nghèo khó hơn nữa, chẳng những không ai nghĩ đến chuyện bảo vệ loài vật, mà còn coi việc giết mổ là tự nhiên chẳng có gì để nghĩ ngợi lôi thôi. Thậm chí, trong một số trường hợp đặc biệt của nạn đói, người ta còn dám ăn cả thịt... người nữa! (Thơ Đỗ Phủ thời Đường chứng tỏ: “Thị tuế Giang Nam hạn, Cổ Châu nhân thực nhân”, năm đó Giang Nam hạn, Cổ Châu người ăn người).

Tuy nhiên, cuộc sống càng văn minh, loài người càng có nhận thức mới hơn trong sự xác định mối tương quan giữa mình với những loài động vật khác đồng hành trên Địa Cầu, từ đó nảy sinh những vấn đề phức tạp cần nghiên cứu, và đó cũng là lý do sự xuất hiện một ngành đạo đức học mới gọi là Đạo đức sinh học (Bioethics), với phạm vi không chỉ giới hạn trong đạo đức về sự sống của người ở giai đoạn khởi đầu (thụ tinh, mang thai, sinh sản) và cuối (bệnh nan y, hôn mê sâu, chết êm dịu...), các vấn đề về sinh sản vô tính, cấy ghép nội tạng..., mà còn mở rộng ra đến chuyện đối xử ra sao với các loài động vật không phải người.

Theo định nghĩa (từ điển mở Wikipedia tiếng Anh), “Đạo đức sinh học một cách điển hình là sự nghiên cứu đạo đức có thể gây ra tranh luận được tạo nên bởi những bước tiến trong sinh học và y học... Nó liên quan tới những vấn đề đạo đức nảy sinh trong mối quan hệ giữa các khoa học sự sống (life sciences, bao gồm cả sinh học), kỹ thuật sinh học, y học, chính trị học, luật học và triết học...”

Từ Đạo đức sinh học (Bioethics) do Fritz Jahr đặt ra năm 1927, đến năm 1970 được nhà sinh hóa học người Mỹ Van Rensselaer Potter dùng lại trong tác phẩm Đạo đức sinh học: Nối cầu dẫn đến Tương lai (Bioethics: Bridge to the Future) với ý nghĩa mở rộng hơn bao gồm “Sự liên kết đối với sinh quyển, vì thế đề ra một “đạo đức toàn cầu” (“global ethics”), một môn học miêu tả mối liên hệ giữa sinh học, sinh thái học, y học và những giá trị nhân văn nhằm đạt tới sự sống sót của cả loài người lẫn các loài động vật khác”.

► Tại Việt Nam, khái niệm Đạo đức sinh học liên quan vấn đề đối xử với động vật dường như rất ít được biết đến, ngoại trừ một vài bài viết hiếm hoi bằng tiếng Việt đăng trên mạng Internet, phần lớn do các linh mục thực hiện.

Cũng may, gần đây chúng tôi rất mừng khi thấy quyển Đạo đức sinh học Kitô giáo của bà Agneta Sutton do Lm. Giuse Phạm Ngọc Thành và Biển Đức Tạ Quang Hùng dịch (NXB Thanh Niên, tháng 11.2012), trong đó chương “Đối xử và không đối xử với động vật như thế nào?”, đề cập đến quyền động vật, sự giải phóng động vật, đại khái cho rằng vấn đề đạo đức khi xem xét đến những người khác, gồm cả động vật không phải người, là chúng có đau khổ hay không, và khả năng đau khổ cũng như vui sướng như là những đặc điểm tạo cho một sinh vật quyền để được xem xét bình đẳng (tr. 176).

Theo cách hiểu của Thánh Phanxicô thì các động vật được xem như đồng hành của chúng ta, những bạn đồng hành mà chúng ta có trách nhiệm đối với chúng trước Đấng Sáng Tạo của chúng ta (tr. 176).

Còn theo nhà thần học Carl Barth, người Thụy Sĩ thuộc trường phái Cải cách, thì con người vốn đã được Thiên Chúa ban cho một sự miễn trừ, thì cũng có nghĩa là con người không thể giết chết động vật chỉ vì muốn giết, vì làm như vậy sẽ giống như giết người. Theo ông, con người chịu trách nhiệm trước Thiên Chúa về cách thức mà mình sử dụng và giết chết các động vật. Con người phải thể hiện sự thương xót và gây ra càng ít đau đớn càng tốt (tr. 179).

Về chuyện ăn chay, theo Bader-Saye, một người Kitô giáo, ăn chay phản ánh một thái độ lành mạnh hơn về đạo đức đối với động vật so với việc ăn thịt. “Chúng ta cũng sẽ bắt đầu việc hình dung lại tập quán ăn thịt và việc chăm sóc những loài vật khác của chúng ta” (tr. 181). *Còn theo Singer, một học giả khác ngoài Kitô giáo thì “Tập quán của chúng ta nuôi và giết các động vật khác để ăn là một ví dụ rõ ràng về sự hi sinh những lợi ích quan trọng nhất của những sinh vật khác để thỏa mãn những lợi ích tâm thường của chúng ta”* (tr. 181).

Theo tác giả Agneta Sutton, luật pháp của Vương quốc Anh và EU cho phép giết động vật để sản xuất thịt, nhưng nói rõ động vật phải được giết mổ càng nhân đạo càng tốt. Tại Vương quốc Anh, người ta coi là vi phạm khi gây ra cho một con vật sự kích động, đau đớn và đau khổ có thể tránh được.

Đối với động vật trang trại (nuôi để giết mổ), cũng tại Vương quốc Anh, theo các đạo luật bảo vệ động vật từ năm 1911 đến năm 2000, sẽ coi là vi phạm khi gây ra sự đau khổ không cần thiết cho bất cứ con vật nuôi hay con

vật bắt được nào bằng các biện pháp như đánh đập, vận chuyển trong những điều kiện quá tải hay không nhân đạo. Luật còn cấm việc đấu chọi động vật để tiêu khiển (như Luật đá gà năm 1952), hay dùng động vật làm môi cho bất kỳ động vật nào khác...

Những việc khác như săn thú, từ lâu dĩ nhiên đã bị hạn chế tối đa bằng luật pháp nghiêm ngặt. Thậm chí, dùng con vật để thí nghiệm chữa bệnh cho người mà làm cho chúng đau đớn, cũng đang được nhiều nước xem xét trong vòng tranh cãi chưa ngã ngũ, nhưng theo cách hiểu của người Kitô giáo là không được phép.

Ở đoạn kết thúc chương sách dẫn trên, tác giả cho rằng “...Hầu hết, nếu không phải là tất cả, các xã hội con người đều cho phép sử dụng các động vật... làm thực phẩm. Chúng ta được cho phép để làm như vậy, nhưng phải tránh những biện pháp tàn ác của việc giết mổ và những tập quán chăn nuôi tàn ác... Sự tàn ác một cách bừa bãi và việc hủy hoại không cần thiết đời sống động vật không bao giờ có thể lý giải được” (tr. 193).

Trên đây chỉ là một số điều tóm thuật từ nội dung của chương sách đã dẫn, chưa đưa ra được ý kiến riêng gì mới, như một cách để giới thiệu một đề tài đáng đọc và đáng suy gẫm. Chắc chắn, sẽ có người cho rằng trong lúc người Việt Nam chưa được ăn no mặc đủ, việc giết mổ thú công gây đau đớn cho con vật đã bị số đông coi là tự nhiên, mà đem việc này ra bàn thì quả nếu không lãng mạn cũng là vu khoát, không thiết thực, sẽ chẳng được ai nghe. Song nghĩ kỹ, bảo vệ loài vật cũng chính là cách tốt nhất chăm lo đời sống loài người một cách lý tưởng hơn, và dường như tội phạm giết người một phần cũng có thể được dẫn dắt từ thói quen giết hại động vật một cách dã man không thương tiếc. Từ rất lâu, nhiều quốc gia khác đã thực hiện được việc bảo vệ động vật thông qua nền giáo dục tiên tiến và các văn bản quy phạm pháp luật, thì việc hướng dẫn tới những giá trị nhân đạo như thế, khởi đầu từ bây giờ, cũng không phải là điều hoàn toàn phi hiện thực.

Thực tế ở nước ta, ngay cả những tập quán lâu đời như sử dụng cầu tiêu sông, đốt pháo, chôn xác người chết... còn điều chỉnh/hạn chế/ cấm được, thì việc thể chế hóa bằng luật pháp nhằm tránh gây đau đớn cho con vật bị giết mổ, cũng có thể làm được. Thiết tưởng, đây không phải đạo đức giả, mà nên hiểu là cách đơn giản thực tế thiện chí nhất để giải quyết mối mâu thuẫn lâu đời giữa nhu cầu ăn uống và lương tâm con người, **một trong những trách nhiệm lớn mà các giáo hội, các tổ chức nhân đạo nên bắt đầu chú ý vận động**, phối hợp với nhà cầm quyền, để trong tương lai không xa, trong chừng mực khả thi, chúng ta sẽ giải phóng, trả lại mùa xuân tươi vui cho muôn loài động vật hữu tình khác với loài người ♦

# QUYỀN CỦA CON NGƯỜI LÀ NHỮNG QUYỀN GÌ VÀ LUẬT NHÂN QUYỀN QUỐC TẾ ĐÃ CỤ THỂ HÓA CÁC QUYỀN ĐÓ NHƯ THẾ NÀO?

Giáo huấn Xã hội của Giáo hội Công giáo (GHXH) đề cập đến rất nhiều vấn đề xã hội liên quan đến con người và GHXH đưa ra bốn nguyên tắc căn bản được xem như là những định hướng căn bản, cần thiết để xây dựng một xã hội công bằng và bác ái. Con người là nền tảng của vấn đề GHXH. Nhân quyền được nói rất nhiều lần trong cuốn Tóm lược HTXH. Các quyền con người cũng đã được đề cập ở Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (1948) và kể từ đó đến nay Liên Hiệp Quốc đã lần lượt xây dựng và thông qua hàng trăm văn kiện pháp lý quốc tế về nhân quyền, cụ thể hóa bằng Bộ luật nhân quyền quốc tế (The International Bill of Human Rights). Bộ luật này trở thành tiêu chuẩn để các quốc gia thành viên LHQ cũng như các tổ chức dù quốc gia hay quốc tế dựa vào đó để xây dựng luật hay lớn hơn là Hiến Pháp.

Việt Nam đang triển khai lấy ý kiến toàn dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Bản dự thảo này cũng đã đưa vào văn kiện nhiều nhân quyền.

Để giúp bạn đọc biết rõ các quyền của Luật nhân quyền Quốc tế, chúng tôi ghi lại đây những quyền đã được xác lập.

## QUYỀN DÂN SỰ & CHÍNH TRỊ

1. Quyền sống
2. Quyền tự do và an ninh cá nhân (không bị bắt giữ, giam cầm tùy tiện, không bị bắt làm nô lệ, nô dịch hay bị cưỡng bức lao động)
3. Quyền bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng.
4. Quyền có quốc tịch.
5. Quyền tự do lập hội, hội họp hòa bình, đi lại và tự do cư trú.
6. Quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo.
7. Quyền tự do ngôn luận và biểu đạt.
8. Quyền được bầu cử, ứng cử và tham gia quản lý nhà nước.
9. Quyền được bảo vệ đời tư.
10. Quyền không bị tra tấn, đối xử tàn ác, vô nhân đạo hay bị hạ nhục.
11. Quyền được xét xử công bằng

## QUYỀN VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA

12. Quyền được bảo đảm điều kiện làm việc an toàn và công bằng.
13. Quyền được hưởng mức độ sức khỏe cao nhất có thể đạt được.
14. Quyền được học tập.
15. Quyền được có mức sống chính đáng.
16. Quyền được tham gia đời sống văn hóa của cộng đồng và được hưởng thành quả của tiến bộ khoa học và công nghệ.

Bản danh mục trên đây là các quyền và tự do cơ bản của cá nhân đã được thừa nhận một cách rộng rãi. Lần lượt chúng tôi sẽ cung cấp các quyền con người đã được quốc tế thừa nhận, đầy đủ và chi tiết hơn. Việc hiểu biết này giúp bạn đọc tha thiết hơn với GHXHCG. BBT





*Nguyễn*

*Tân*

*Niên*

*Sinh*

*Thánh*

*Đức*

*Mong*

*Vạn*

*Dân*

*Đắc*

*Nhân*

*Tâm*



# Tham gia thế nào cho phải trong việc chăm sóc sức khỏe đồng bào miền núi?

◆ THANH TÂM

Mùa rét miền núi năm ấy tôi cùng đoàn y tế đến khám bệnh ở các tỉnh vùng núi cao. Đi bộ lần theo dốc núi vào những ngôi làng, chen giữa ruộng lúa là vài ngôi nhà bé tẻo teo, sương mù dày đặc là là xuống tận mặt đất, và đầu đó thấp thoáng những bóng người trông to mập. Đến thật gần với họ tôi mới biết đó chẳng phải vì họ to mập thật đâu, mà bởi vì họ phải mặc quá nhiều những lớp áo dày. Từng người từng người một, chúng tôi khám bệnh cho họ, phải chờ đến mãi năm phút sau thì họ mới cởi xong lớp áo dạ rách tươm trong cùng. Lúc ống nghe của tôi chạm vào lồng ngực lép xẹp của một ông lão, cũng là lúc tim tôi như hòa theo nhịp đập yếu ớt của ông. Với giọng khàn khàn của một người hút thuốc lâu năm, ông lão nói: “Ở đây lạnh lắm nên phải hút thuốc lào cho ấm, lâu ngày rồi đâm nghiện”, ông lại tiếp “Năm nay chỉ có đoàn này đến khám bệnh thôi, vùng núi xa xôi này chúng tôi chẳng có thuốc men gì. Mỗi lần cảm ho là hái lá rừng uống tạm, chỉ khi ốm nặng gần chết mới đi bệnh viện.” Mãi nghe ông nói chuyện, tôi quên cả khám bệnh, giật mình vì cái vỗ vai nhắc nhở của người bạn bác sĩ, bảo tôi khám bệnh nhanh hơn: “Còn những 1000 bệnh cơ đấy”.

Mỗi bệnh nhân sau khi khám lại được nhận thêm thuốc cấp miễn phí.

Chỉ vốn vẹn bảy ngày thôi, thế mà số tiền đoàn chi ra đã lên đến mấy chục ngàn đô, trong đó có cả chi phí khách sạn, xe cộ, ăn uống cho đoàn. Chi phí cho chuyến đi chiếm khá nhiều, nên phần còn lại dành cho anh chị em miền núi chỉ có mấy ngày thuốc, làm sao đủ cho họ khỏi bệnh?

Khi khám bệnh, chúng tôi nhận thấy có rất nhiều người mắc bệnh mãn tính, thời gian điều trị ắt phải lâu dài. Tôi băn khoăn mãi liệu họ sẽ lấy thuốc ở đâu mà tiếp tục uống?

Tôi chợt thấy lòng buồn hơn, chẳng còn cái háo hức ban đầu của một người đi làm từ thiện. Làm thế nào để họ được chăm sóc sức khỏe thường xuyên hơn? Tôi chợt nghĩ và chia sẻ ngay với các bạn trong đoàn “Có nên góp tiền mua bảo hiểm y tế mỗi năm cho họ, hay xây dựng phòng khám từ thiện miền núi, gửi người địa phương đi học chuyên môn?” Công việc này phải chẳng sẽ tốt hơn khi chúng ta đào tạo được một nhóm tình nguyện viên của địa phương? Và chúng ta chuyển giao công việc này với tất cả sự tin tưởng vào khả năng của họ! ◆

## Chuyện vui

Có một nhà Kinh Thánh lỗi lạc, ông nói gì cũng dùng lời Kinh Thánh mà nói. Đức Giám mục nghe nói thế bèn gọi một linh mục đến điều tra.

Vị linh mục đến trước nhà nhìn qua cánh cửa hé mở thấy nhà Kinh Thánh đang ngồi nhậu nên đứng ngoài quan sát. Bỗng đứng một giọng đàn ông ngà ngà lên tiếng:

- Này bà, họ hết rượu rồi. (Ga 2,3)

Bà vợ đáp:

- Ngày nào cũng nhậu hết. Ông muốn mua thêm mấy lon bia nữa hả?

Nhà Kinh Thánh:

- Một hòm bia (Xh 25,10)

Bà Vợ trợn mắt:

- Một hòm bia lặn hả? Ngày mai lấy tiê mua đồ ăn cho con chứ.

Nhà Kinh Thánh nửa tỉnh nửa say:

- Đừng lo lắng về ngày mai: ngày mai, cứ để ngày mai lo. Ngày nào có cái khổ của ngày ấy. (Mt 6,34).

Bà vợ cắn nhằn:

- Ông thì không lo, nhưng tôi lo. Tôi không đi.

Nhà Kinh Thánh:

- Đi mau lên (1Sm 9,12). Đưa chân đá lại mũi nhọn thì khốn cho người! (CV 26,14).

Vị linh mục đứng ngoài kinh ngạc: !!!!!???



# Kinh nghiệm về đức tin

◆ FRANCOIS VARONE



**T**rở thành tín hữu: rốt cuộc điều này nghĩa là gì? Có thể nói gì về điều ấy? Phải chăng như người ta có thể kể chuyện một thành phố? Phải, khi mô tả chỉ ít những đại lộ, những trung tâm hội họp chính, những biểu hiện đầy sức sống của thành phố. Vừa đủ để người ta thích đến thăm và thực hiện những khám phá của riêng mình về thành phố ấy. Vậy cũng thế, chúng ta thử kể chuyện đức tin.

## 1. Chức năng đầu tiên: đón nhận mạc khải của Thiên Chúa

Dù trong tôn giáo nào, con người trở thành người-tin và luôn là thế trong mức độ người ấy biết mình được Thiên Chúa yêu thương, là người thụ hưởng sự sống của Thiên Chúa, liên kết với ước muốn của Thiên Chúa, được quyền năng của Ngài làm cho sống động, và trong mức độ người ấy không coi Thiên Chúa như một quyền năng đe dọa mà con người phải tìm cách vượt ve, làm dịu lại, làm cho quyền năng ấy trở nên thờ ơ hay cảm động.

### Còn hơn cả Kinh Tin Kính chính thức

Trong Kitô giáo, sự sống lại của Đức Giêsu đã thực hiện mạc khải ấy: Ngài là khuôn mặt đích thực, duy nhất của Thiên Chúa, khuôn mặt đời đời được mạc khải trọn vẹn như Quyền-năng-vì-con-người. Hoặc đúng hơn: Mạc khải đã bắt đầu từ đó, bởi vì mạc khải chỉ hoàn tất khi nó đã đến với tôi. 'Hiện nay tôi sống trong xác phàm là sống trong niềm tin vào Con Thiên Chúa, Đấng đã yêu mến tôi và hiến mạng vì tôi' (Gl 2: 20). Điều quan trọng không chỉ là tin rằng Thiên Chúa đã cho Đức Giêsu sống lại mà còn tin rằng mình là người thụ hưởng chính quyền năng ban sự sống ấy.

Rất ít người vượt qua ngưỡng cửa của việc tuyên xưng đức tin chính thức và sự tuyên tín của cá nhân. Nếu không nhìn thấy đời mình trong kinh nghiệm ấy về Thiên Chúa, người ta không trở thành con cái của Ápraham, [tổ phụ] của mọi kẻ tin: "Ông đã tin tưởng Đấng làm cho kẻ chết được sống và khiến những gì không có hóa có" (Rm 4: 17).

Vậy có hai nội dung chủ yếu trong đức tin của Ápraham:  
1. 'Thiên Chúa làm kẻ chết được sống', vậy là sự Phục Sinh  
2. 'Thiên Chúa khiến những gì không có hóa ra có', vậy là sự Sáng Thế.

Sáng Thế và Phục Sinh, đó là Kinh Tin Kính đầy đủ nhưng thu nhỏ lại. Chỉ cần đưa nó vào âm nhạc là xong. Ngắn gọn, nó không làm cho các cộng đoàn mệt nhọc!

Nhưng điều ấy không ổn! Phao lô nói Phục Sinh trước, kể đó mới nói Sáng Thế - điều này không hợp luận lý trong một sự tuyên tín chính thức, trong một công thức công khai, nhưng đáp ứng rất tốt cách diễn tả đức tin của bản thân Ápraham. Chính ông và vợ ông đã quá già không thể sinh con, nên là những người 'chết' mà Thiên Chúa sẽ làm cho được sống. Và đứa con của lời hứa, Ixaác, đứa con 'không có' sắp được Thiên Chúa gọi vào đời sống. Vậy người ta đã đi đến một hành động tuyên tín cá nhân, vì 'khi coi thân xác mình như đã chết' theo cách nói của Phao lô về Ápraham (Rm 4: 17), con người nhận ra và tiếp đón Mạc khải về Thiên Chúa - Quyền năng của sự sống vì con người - trong chính đời sống riêng và kinh nghiệm riêng của mình.

### Chấm dứt một tha hóa

Chúng ta là người-tin và vẫn là thế khi nào chúng ta thường xuyên duy trì cuộc gặp gỡ sống động giữa Thiên Chúa với mình dưới ánh sáng của Mạc khải theo nhịp độ những biến cố của đời sống và cái chết. Với kinh nghiệm của đức tin, một trong những động lực sâu xa nhất của tôn giáo là sự sợ hãi đã biến mất: 'Tình yêu không biết đến sợ hãi; trái lại, tình yêu hoàn hảo loại trừ sợ hãi, vì sợ hãi gắn liền với hình phạt, và ai sợ hãi thì không đạt tới tình yêu hoàn hảo' (1 Ga 4: 18).

Cùng với sợ hãi cũng tiêu tan sự tha hóa mà sợ hãi gây ra cho người nào trói buộc đời sống mình vào việc tuân phục chặt chẽ lề luật, khi người ấy giới hạn lề luật vào một dự án tầm thường, và chẳng không thể thực hiện hoặc người ấy cố giữ đời sống mình trong một phẩm giá không thể chê trách trước mặt Thiên Chúa và loài ▶

► người, và giao phó đời sống ấy cho mọi sai khiến và áp lực của những người biết lợi dụng sự sợ hãi, trong các tôn giáo hoặc các lãnh vực khác. Thiên Chúa của đức tin trái lại không làm tha hóa, nhưng phục hồi, phát triển và giải phóng, với điều kiện phải đến và ở lại với Ngài. Việc phê phán tôn giáo của chủ nghĩa vô thần hiện sinh được người tin nhận ra như một cuộc tấn công không nhắm vào mình nhưng như việc bắn chặn ngăn mình rơi trở về tôn giáo.

## 2. Chức năng thứ hai : tích cực nối dài mạc khải

Nếu Thiên Chúa là Quyền Năng vì con người thì người tin khi đã cảm nghiệm điều ấy, chắc hẳn phải rút ra từ đó một hệ quả hợp lý và sâu xa, một ước muốn và ý nghĩa cho một đời sống dẫn thân vào lịch sử như một quyền-năng-vì-con-người. Người ấy tích cực nối dài qua người khác sự Sống mà trước tiên người ấy thụ hưởng từ Thiên Chúa. Đó là cái trục căn bản của tôn giáo thật mà mọi phong trào ngôn sứ kêu gọi, từ Mikha cho đến Đức Giêsu, nhưng chúng ta phải phân tích nhiều thành phần của phong trào ấy.

### Phải chăng trở lại Lễ luật và nỗi sợ hãi ?

Vậy giờ đây, vấn đề là đời sống thật, là hành động nhân bản : Chọn lựa đạo đức được thực hiện như thế nào cho những cách hành động khác nhau ? Mikha yêu cầu dân Chúa phải ‘thực thi công bình, yêu quý nhân nghĩa’ : rất tốt, nhưng còn mơ hồ ! Chúng ta không lập tức trở về với một lễ luật chính xác mà một bộ máy tôn giáo, với cùng một nỗi trạng sợ hãi, quản lý hay sao ? Bộ máy ấy biết rõ và chỉ huy những toan tính tuyệt vọng của chúng ta muốn làm trọn lễ luật, một việc đã bị phê phán trên kia và như thế, chúng ta không tránh khỏi việc trở lại tôn giáo sao?

Chắc hẳn nguy hiểm vẫn còn đó ! Và người ta dễ dàng ngã quy. Khi dẫn thân vào đời, người tin sẽ không tránh khỏi kinh nghiệm về sự bất toàn, hèn nhát, tội lỗi : người ấy sẽ thấy mình không nối dài cho đủ hoặc không hề nối dài qua người khác sự sống mà mình nhận được từ Thiên Chúa. Người-tin cũng sẽ không tránh được nỗi bất an, hoài nghi và lầm lẫn trong những chọn lựa của mình. Người ấy bị sợ hãi đe dọa gấp đôi, bị lôi kéo gấp đôi để rơi trở lại tôn giáo và đặt mình trở lại dưới cái ách tục hóa của lễ luật : một số sự việc chính xác nào đó nên làm và không nên làm và để tưởng thưởng, Thiên Chúa sẽ ban cho chúng ta một thế giới đẹp đẽ.

Tự do bị tha hóa thường làm cho tục hóa, còn tự do thật thì hiếm khi như thế !

### Để không bao giờ dừng lại việc giải phóng

Ngay từ lần công bố đầu tiên về mười điều răn (Xuất hành 20), tạo thành cái nhân của Lễ Luật, Kinh Thánh nói bằng ngôn ngữ giao ước và đức tin, mà không phải ngôn ngữ tôn giáo. «Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của người, đã đưa người ra khỏi đất Ai Cập, khỏi cảnh nô lệ. Người không

được có thần nào khác đối nghịch với Ta. Người không được v.v... » Lý luận đã rõ ràng : Ta là Đấng giải phóng, Thiên Chúa nói, nên người chỉ có thể được giải phóng khi chính người trở thành người giải phóng. Vậy người sẽ hành động như người giải phóng.

Về phần tôn giáo, nó chỉ giữ lại thập giới, những điều răn, nhưng không có câu dẫn nhập làm nền tảng cho thập giới. Tôn giáo làm cho Lễ Luật thành một phương thức sử dụng, chính xác, đầy đủ cho phép con người thực hiện hành động tôn giáo mà Thiên Chúa đòi hỏi để chiến thắng yêu sách của Ngài, để được đàng hoàng trước mặt Ngài.

Trái lại đối với đức tin, cũng chính Lễ luật ấy, thập giới ấy trở thành cách diễn tả một đường lối ứng xử trong những khía cạnh chính, một hành động nối dài giữa những con người việc giải phóng mà Thiên Chúa đã đặt vào tâm hồn họ. Như vậy lễ luật quy tụ mà không thể tách rời kinh nghiệm của dân Thiên Chúa là dân được giải phóng và dân thực hiện việc giải phóng.

Những khía cạnh chính, căn bản của kinh nghiệm ấy (tôn trọng sự sống và tài sản) làm thành đối tượng của thập giới. Những giá trị khác của kinh nghiệm ấy sẽ được thêm vào, nhất là những giá trị của cộng đoàn Kitô hữu trong Tân ước, làm cho lễ luật trở thành cách diễn tả một kinh nghiệm sống động, không bao giờ khép kín hay hoàn tất, bởi vì kinh nghiệm ấy luôn luôn mở ra những hoàn cảnh lịch sử mới ở đó người-tin phải nối dài sự sống đến từ Thiên Chúa. Thay vì là một phương thức mà con người tôn giáo sử dụng chính xác trước mặt Thiên Chúa để đối phó với Ngài, giờ đây lễ luật là cách diễn tả sống động kinh nghiệm của người-tin được Thiên Chúa giải phóng và cùng với Thiên Chúa thực hiện việc giải phóng. Trong ý thức và trong Giáo Hội, người ấy không ngừng suy nghĩ về những biện pháp cụ thể bao hàm trong việc đó của ngày hôm nay.

### Suy xét hay lặp lại

Trong Tân Ước, thánh Phaolô xây dựng các thư của ngài theo một lý luận mà chúng ta sẽ trình bày ở đây. Trước tiên ở phần đầu tương ứng với nhiệm vụ tiếp đón mạc khải, phần thần học này nói về sự sống đến từ Thiên Chúa trong Đức Giêsu Phục Sinh. Rồi đến phần thứ hai, khuyến thiện (hay luân lý) nói về kinh nghiệm sống Kitô giáo, nối dài sự sống nhận được từ Thiên Chúa vào thực tại. Và lại, phần thứ hai này đương nhiên bao gồm một số yêu sách luân lý chính xác – kinh nghiệm Kitô giáo đã lên đường, nó đã biết nói về nhiều điều thủ đắc, về một số phương cách hành động bao hàm, hoặc không, trong sự sống của Thiên Chúa mà chúng ta phải nối dài qua người khác. Nhưng nhất là phần luân lý này bao hàm một lời kêu gọi phải đến với việc suy xét (xem Rm 12: 2 ; 2 Cr 13: 5 ; Ep 5 : 9-10 ; 17 : 17 ; Pl 1:10), do đó phải đến với kinh nghiệm, suy tư và chọn lựa. Lễ luật vẫn luôn mở ra, tìm kiếm, sống một nguyên tắc duy nhất tuyệt đối:



TÔN GIÁO

ĐỨC TIN

THIÊN CHÚA

Lề luật

CON NGƯỜI

Lề luật  
giải phóng

CON NGƯỜI  
ĐƯỢC GIẢI PHÓNG

Lề luật

CON NGƯỜI

**Tôn giáo :**

*Yêu sách của Thiên Chúa  
Phương thức sử dụng  
Chính xác, đầy đủ, khép kín  
Trước mặt và đối phó Thiên Chúa  
Để chiến thắng TC  
Để sống đàng hoàng trước TC  
Bởi sợ hãi và phục tùng*

**Đức tin :**

*Nổi dài hành động của Thiên Chúa  
Lời, kinh nghiệm về lời  
Cởi mở, tiến triển, tìm tòi  
Với (ở cùng) Thiên Chúa  
Để làm con người sống  
Để làm con người hiện hữu tốt nhất  
Bởi sự lan tỏa của tự do*

cùng với Thiên Chúa hãy thực hành một quyền-năng-vì-con-người như lời thánh Phaolô đã nói : ‘Tất cả đều tóm lại trong lời này: Người phải yêu thương người thân cận như chính mình.’ (Rm 13,9 ; cũng xem Gl 5,14). Bên trên nguyên tắc tuyệt đối ấy là không gian vận động của đời sống con người.

**Thẩm quyền hay truyền thống ?**

Vào thế kỷ XX, phạm vi ấy mở rộng rõ ràng đến nỗi mọi người nghiêm túc không thể nhận trách nhiệm về phạm vi ấy cùng với Lề luật tôn giáo cổ xưa dù rất đáng tôn trọng. Nhưng Luật của đức tin có thể và phải theo đuổi công việc suy xét chính xác.

Con người càng tiến bộ trong việc hiểu biết những hoạt động thật sự của đời sống – về sinh lý, sinh vật, giới tính, các động cơ xã hội, chính trị, tôn giáo – con người càng làm chủ việc sử dụng những hoạt động ấy thì sự suy xét chính xác, việc chọn lựa và phiêu lưu trong quyết định luân lý của con người càng lớn lên.

Vậy hành động của tín hữu hoạt động như một cái cây. Mọi việc diễn ra dưới ánh mặt trời, nhưng những rễ cây lấy trong mảnh đất cụ thể mọi chất cần cho cây. Mặt trời không làm cho rễ cây thừa thãi, rễ cây không làm cho mặt trời vô ích.

Hành động của tín hữu lấy từ hai nguồn. Nguồn thứ nhất là lề luật. Xuyên qua những lời diễn tả kinh nghiệm của dân Thiên Chúa, kể từ Cựu Ước (thập giới), qua Tân Ước

(Tin Mừng, các mối phúc), trải qua các thời kỳ của Giáo Hội (Giáo huấn của huấn quyền), lề luật lưu truyền ý nghĩa tuyệt đối này : Thiên Chúa làm cho con người sống để đến lượt mình con người làm người khác sống.

Nhưng ý nghĩa này dù rất quan trọng, cần thiết, tuyệt đối cũng phải hình thành trong những dự án cụ thể. Do đó nguồn thứ hai của hành động tín hữu là hiểu biết về thực tại hay thẩm quyền của thực tại. Ngôn sứ nói, ‘thực thi công bình’, và tín hữu, người thụ hưởng Công lý của Thiên Chúa mức trong lời ngôn sứ phong cách tuyệt đối để hành động. Nhưng chính trong việc hiểu biết, ví dụ như những động cơ của tình trạng chậm phát triển, người ấy có thể sẽ liên kết với một dự án cụ thể. Chắc hẳn khi bị chìm vào những nguy cơ của lịch sử bấp bênh - nhưng một điều gì đó của Triều đại Thiên Chúa sẽ đi qua và vị ngôn sứ nói, ‘Hãy yêu thương dịu dàng’. Một tín hữu được Thiên Chúa yêu thương như thế sẽ từ đó rút ra ước muốn yêu thương hoàn hảo với cùng một phẩm chất. Nhưng nhờ có việc hiểu biết những hoạt động và ý nghĩa thật của giới tính, ví dụ thế, người ấy có thể yêu thương đúng đắn và tránh cho dự phóng yêu thương trong thực tế không xoay chiều về việc bạo hành, dày vò hoặc hạ giá nhân phẩm.

**Tín hữu có tha hóa không ?**

Loại người mà chúng ta đang nói ở đây nhờ hiểu biết và có kinh nghiệm trong bối cảnh đức tin được giải phóng dứt khoát khỏi tôn giáo (chủ quan), sẽ không cảm thấy bị sự phê bình hiện đại làm tổn thương, dù là phê bình của ▶

► vô thần hiện sinh trách cứ tôn giáo đã đem con người ra khỏi đời sống thật, hoặc là phê bình của vô thần thực tiễn trách cứ tôn giáo đã đem con người tránh xa hoạt động thật của thế giới. Nhưng sự phê bình này đôi khi giúp người ấy không tìm cách tránh né những luồng gió lớn của lịch sử hay bão tố của đời sống để thích thú tìm đến chỗ trú ẩn chật hẹp của các quy tắc tôn giáo. Điều chắc chắn là tôn giáo đã biến thần linh của nó thành một kẻ thù của con người và của đời sống con người. Nhưng chúng ta sẽ thực hiện một vụ khiếu kiện sai trái chống Thiên Chúa khi dựa vào hồ sơ của một thần linh khác.

### 3. Chức năng thứ ba : thờ phượng trong Thần Khí

Ở bên bờ giếng, phải đưa ra cuộc đối thoại nào, nếu không phải nói về cơn khát ! Từ nhu cầu đi qua ước muốn, Đức Giêsu sẽ dẫn dắt người phụ nữ Samari đến với mạc khải về điều Thiên Chúa ước mong : 'Chúa Cha tìm kiếm những ai thờ phượng Ngài trong thần khí và sự thật' (Ga 4,24).

#### Hai ước muốn gặp nhau

Ngày nay cũng thế, khi chúng ta gặp một linh mục trong một nhóm, chúng ta tưởng rằng mình phải đưa ra một cuộc trao đổi về tôn giáo. Nói chung về một cuộc tranh luận vừa qua : 'Cha nghĩ gì về tông thư Đức Gioan Phaolô II gởi các linh mục ?'. Khi người phụ nữ Samari nhận ra Đức Giêsu là một người từ Thiên Chúa đến, chị ta chuyển câu chuyện sang đề tài tôn giáo (Ga 4,19tt). Chị ta suy nghĩ trong phạm vi tôn giáo và trên bình diện độc nhất ấy, chị ta đặt đối lập hai truyền thống khác nhau. Những người này nói : để đến với Thiên Chúa cao xa, nguy hiểm và hay yêu sách, phải thực hiện nghi lễ trên núi Garizim, và phải cử hành nghi lễ vào ngày nào, cách nào, bởi những chuyên gia nào; nếu không nghi lễ ấy không thành. Rồi từ đó sinh ra bất hòa, trong khi những người khác cũng rất mộ đạo đến nói rằng : 'Không được, nghi lễ ấy phải cử hành ở Giêrusalem. Nếu ở chỗ khác, không thành đâu. Một nghi lễ hiệu quả cho phép các ông/bà được Chúa đoái thương chỉ có thể thực hiện ở Giêrusalem.' Tôn giáo của nghi lễ và lợi ích, tôn giáo của sợ hãi và lễ luật, được tái diễn qua mỗi thế hệ : 'Phải thờ phượng Thiên Chúa bằng tiếng Latinh và theo nghi thức của thánh Piô V! Mọi nghi thức khác đều vô ích và phạm thượng!'

Đức Giêsu không bênh vực một kỹ thuật tôn giáo nào để chống lại một kỹ thuật tôn giáo khác, Ngài tuyên bố tôn giáo bị vượt qua để sinh lợi ích cho mạc khải của Thiên Chúa và cho đức tin. Vận động bị đảo ngược. Trước tiên chính Thiên Chúa tìm kiếm, đưa ra sáng kiến ; Thiên Chúa là ân huệ: 'Nếu chị biết được ân huệ của Thiên Chúa.' Chính Thiên Chúa đến gặp gỡ nhân loại – còn nhân loại là người phụ nữ trước ước muốn của Thiên Chúa – để gặp gỡ con người ở bình diện ước muốn đơn giản và thường gặp nhất của con người : cơn khát, nhu cầu vật chất, thể lý. Rồi từ đó Ngài sẽ đi qua nhu cầu của cá nhân: mối tương quan, tình yêu : 'Chị hãy gọi chồng chị.'

Chính vì thế mà ước muốn của con người được Thiên Chúa đến gặp gỡ, thừa nhận, làm vươn lên và phát triển trong Ước Muốn viên mãn của Thiên Chúa : 'Nước mà tôi cho sẽ trở thành một mạch nước vọt lên nơi chị, đem lại sự sống đời đời.'

Xung quanh ước muốn của con người, của nhu cầu khiêm nhường nhất, cho đến những ước muốn cao nhất thành linh mở ra chân trời vô tận là sự Sống Thiên Chúa. Trong ngôn ngữ của thánh Gioan, 'chân lý' có nghĩa là 'mạc khải'. Vậy điều xảy ra 'trong chân lý' quy chiếu vào đời sống con người vui mừng khi thấy ước muốn của mình được ước muốn của Thiên Chúa thừa nhận và phát triển. Tóm lại : chính ước muốn sống [hiện hữu] của con người vui mừng tiếp đón mạc khải, ân huệ của Thiên Chúa.

Nhưng một đời sống như thế thấy mình được giải phóng khỏi tôn giáo : vấn đề của nó không còn là tìm ra nghi lễ hiệu quả để đạt đến Thiên Chúa. Quan tâm duy nhất của nó chính là sống và làm-cho-sống trong sự phụ thuộc vào Ân huệ đã nhận được. Với Thiên Chúa, đó là sống để phát triển ước muốn của mọi người : nhu cầu về nước và ước muốn yêu thương. Đó là một sự dẫn thân, một tôn giáo xảy ra trong đời sống thật – không phải trong tính không bền vững của một nghi lễ duy nhất – và nó xảy ra 'trong tinh thần', trong thực tế chứ không phải chỉ ở bề ngoài.

Việc thờ phượng – trong tinh thần – và trong sự thật : đó là ba nhiệm vụ của chúng ta, trong trật tự đảo ngược vì được trình bày từ sự thành tựu của chúng. Trước tiên là việc thờ phượng trong đó mọi sự được hoàn thành, kể đó đời sống thực 'trong tinh thần' là nơi hình thành nội dung của việc thờ phượng, sau cùng việc tiếp đón mạc khải, đến với không gian chân lý là không gian duy nhất có thể làm khởi động một đời sống đồng thời giải phóng khát vọng của mình.

«Quỳ xuống, hỡi những người thờ phượng ! Những hy tế đền tội phải chết!» thần linh Moloch của tôn giáo hét lớn. Và ngay sau đó người vô thần sẽ gào to hơn rằng người ta đã chán ngấy sự thờ phượng làm tha hóa đó.

Nhưng có một Thiên Chúa tìm kiếm những người thờ phượng Ngài mà sự thờ phượng như nụ cười của một phụ nữ đang yêu, được yêu và mãn nguyện, của người phụ nữ sau cùng đã tìm thấy người đàn ông của mình ! Nhưng có một Thiên Chúa tìm kiếm những người thờ phượng mà sự thờ phượng là một đời sống với khát vọng đã được giải phóng, và do đó có khả năng kết nối với ước muốn của những người khác: 'Người phụ nữ Samari để vò nước lại, vào thành và nói với người ta: Đến mà xem : có một người đã nói với tôi tất cả những gì tôi đã làm. Ông ấy không phải là Đấng Kitô sao ?' (Ga 4,29). Trước một Thiên Chúa như thế, sự thờ phượng

không làm tha hóa. Vấn đề không phải là 'Ngài hoặc tôi' nhưng chính là 'Càng là Ngài thì tôi càng được là tôi!'

### **Ngôn sứ và vua để trở thành tư tế**

Mạc Khải của Cựu Ước được tạo thành xung quanh ba khuôn mặt lớn, ba vai trò lớn và một cách biện chứng, đã tạo nên kinh nghiệm tôn giáo của Ít-ra-en: ngôn sứ, vua, tư tế. Mỗi vai trò ấy cũng là một lời tiên tri sống động về Đấng Mêsia sẽ đến. Đức Giêsu, Đấng Mêsia quy tụ và thực hiện nơi Ngài cùng lúc ba chức năng và phẩm cách ấy, đồng thời mang lại cho mỗi vai trò một thực hiện khác những mong đợi đã khích lệ Do Thái giáo. Như thế Ngài là vua, nhưng vương quốc của Ngài không thuộc về thế gian này. Ngài là tư tế nhưng không theo phong cách các đẳng cấp tư tế của người Do Thái hay dân ngoại. Ngài là ngôn sứ, nhưng không bằng lòng với việc chuyển giao một sứ điệp: Ngài sẽ công bố một lời của chính Ngài, đây 'quyền bính'.

Công đồng Vaticanô II đã đổi mới cách tiếp cận Kinh Thánh về vai trò của Đức Kitô và của mọi người đã chịu phép rửa: mỗi người được tháp nhập vào Đức Kitô để theo đuổi với Ngài cùng lúc ba công việc của ngôn sứ, vua và tư tế, trong Giáo Hội và vì thế giới.

Nhưng sự đổi mới ấy không phải là không có vấn đề. Phong trào ngôn sứ đã gặt hái nhiều thành công, thường có nguy cơ bị hiểu nhầm với mọi thái độ đoạn tuyệt mạnh mẽ nhằm để cao giá trị cá nhân hơn là lời Chúa. 'Vương quyền' đã không có sự thành công nào: trong ba phạm trù ấy đều đã quá cũ kỹ, vương quyền đưng phải não trạng dân chủ và việc gạt bỏ thái độ đắc thắng của Kitô giáo, vì thế nó không tài nào ra khỏi viện bảo tàng Kinh Thánh. Chức tư tế đã gặp vận may lớn, vai trò khiêm tốn của nó được tưởng thưởng bởi việc đánh mất căn tính của các thừa tác viên có chức thánh.

Thật vậy, đó là ba phạm trù căn bản đến đảm nhận chính xác ba chức năng mà chúng tôi đã sử dụng để nói về điều chủ yếu của kinh nghiệm đức tin. Ngôn sứ là khả năng, nhiệm vụ và phẩm giá để tiếp nhận Mạc Khải. Nhưng đón nhận Mạc Khải không chỉ trong việc chấp nhận một tín biểu chính thức mà đón nhận bằng đời sống của chính mình. 'Nước Trời cũng giống như chuyện năm men bà kia lấy vùi vào ba đấu bột, cho đến khi tất cả bột dậy men' (x. Mt 13:33). Ngôn sứ phải có sự hiểu biết, gắn bó với Lời Chúa, với ý nghĩa của Lời để có thể soi sáng đời sống mình bằng lời ấy và từ đó rút ra một dự án – một dự án lớn cho đời mình và mọi dự án nhỏ, ngắn hạn dùng làm những viên đá cho một bức tranh ghép đá.

Chỉ khi nào được trang bị bởi dự án ấy, ngôn sứ có thể trở thành vua. Một ông vua có quyền năng trên thực tại để biến đổi và khuôn đúc thực tại theo chương trình của mình. Đây là chức năng thứ hai của chúng ta, chức năng hành động cùng với Thiên Chúa để làm cho sự

sống của Ngài mặc lấy những hình thức cụ thể trong đời sống con người.

Người Kitô hữu nắm giữ quyền năng trên thực tại để thực hiện dự án ngôn sứ của mình trong thực tại. Với ít nhiều thành công, người ấy luôn ý thức tính chất mong manh trong các chọn lựa và hành động của mình, sự mơ hồ trong các động cơ hành động, và nhất là sức kháng cự ghê gớm của lịch sử không ngừng tái diễn. Và dẫu sao ở mỗi thế hệ, chúng ta có cùng vấn đề là việc giải phóng con người.

Chỉ khi nào chấp nhận sống như thế và đảm đương hành động ấy, vua mới có thể trở thành tư tế nghĩa là: 'dâng lên Thiên Chúa đời sống mình' theo cách nói của Phaolô (Rm 12:1). Để làm được điều ấy trước tiên phải tồn tại, theo nghĩa mạnh của từ ngữ: Đó là thực tại duy nhất tôn vinh Ngài và làm Thiên Chúa quan tâm. Hoạt động tôn giáo thường bỏ quên điều đó: 'Bò của người Ta nào có thiết, chiên của người chẳng lẽ Ta ham!' (x. Tv 49,7-15) – 'Ngân ấy hi lễ của các người đối với Ta nào nghĩa lý gì? Lễ toàn thiêu chiên cừ, mỡ bê mập, Ta đã gấy!' (xem Is 1,10tt.)

Thiên Chúa quan tâm đến đời sống thật, vì như thế giữa Thiên Chúa và tín hữu thờ phượng (tư tế) có cùng một tương quan hoàn thành và sinh ơn như giữa cha và người con đã trưởng thành, có tự do và do đó nhận biết tình phụ tử của cha mình.

'Vinh quang' chính là sự tỏa sáng của một đời sống tự do, mạnh mẽ, đích thực. Và vinh quang ấy được dâng lại cho Thiên Chúa khi trong đời sống, con người nhận biết rằng chính Thiên Chúa là nguồn gốc và nơi hoàn thành mọi sự. Ý nghĩa, lúc cuối và lúc đầu, làm mọi ý nghĩa có khả năng hiện hữu để con người tiếp nhận và hoàn thành chúng trong thế giới mới và thực hiện chúng trong cuộc sống. Sự Sống, lúc cuối và lúc đầu, làm mọi đời sống có khả năng hiện hữu để con người làm cho tồn tại, tiếp nhận chúng và hoàn thành chúng trong vĩnh cửu.

Chức tư tế là đỉnh cao của hoạt động ngôn sứ và vương đế. Quả thật nó sống niềm hy vọng rằng một ngày kia 'Thiên Chúa sẽ là tất cả cho mọi người' (xem 1Cr 15:28) Nhưng khi Con Người sẽ ngự đến, liệu Ngài thấy được tôn giáo, chủ nghĩa vô thần hoặc đức tin hiện diện trên trái đất này? (xem Lc 18:8) ♦

### **GIANG SƠN dịch**

(Trích trong FRANCOIS VARONE, Ce Dieu Absent Qui Fait Problème, tr. 66-76)

# Suy tư về “SỐNG ĐỨC TIN” trong Năm Đức Tin

◆ MARIA TÊRÊSA

Lạy Cha là Chúa Tể trời đất. Con xin ngợi khen Cha vì Cha đã giấu kín không cho bậc khôn ngoan thông thái biết những điều này, nhưng lại mạc khải cho những người bé mọn. Vâng lạy Cha, vì đó điều “đẹp ý Cha” (Lc 10, 21).

**Thiên Chúa tạo dựng con người** và mong muốn con người được hạnh phúc chỉ vì tình yêu thương Ngài dành cho chúng ta, và con người được sinh ra trên trần gian lại được diễm phúc biết Chúa qua lời mạc khải trên đây của Đức Giêsu Kitô, Người đã cảm tạ Thiên Chúa Cha thay cho chúng ta về quà tặng Đức Tin quý giá này.

Thực tế, Đức tin là một hồng ân Chúa ban tặng. Đức Giêsu Kitô sau khi phục sinh đã tỏ mình ra cho các môn đệ dưới nhiều hình thức là để củng cố niềm tin cho các ông. Nhưng họ vẫn cứng lòng, bởi lẽ không chịu tin những người đã nhìn thấy Chúa sau khi Người sống lại. Vì thế trước khi về trời, Người đã tỏ mình cho cả một nhóm mười một và phán bảo: “Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo tin mừng cho mọi loài thụ tạo. Ai tin và chịu phép rửa, sẽ được cứu độ, còn ai không tin, thì sẽ bị kết án” (Mc 15, 15-16).

Để có được niềm tin và sức mạnh ra đi rao giảng Tin Mừng khắp nơi, các tông đồ đã nhận được hồng ân và chính Chúa Kitô phục sinh đã cùng hoạt động với các ông. Và các ông đã thể hiện Đức Tin bằng chính lời rao giảng và cuộc sống của mình. Hội Thánh Chúa trên nền tảng Đức Tin của các tông đồ đã được xây dựng và phát triển mạnh mẽ trong toàn thể nhân loại cho đến ngày hôm nay.

Năm nay, Đức Thánh cha Bênêdictô 16 công bố Năm Đức Tin, là thời gian toàn thể Giáo hội nói lên lời tuyên xưng đức tin đích thực, chân thành và bày tỏ quyết tâm sống trọn vẹn để tỏa sáng hồng ân Đức Tin của người Kitô hữu. Theo Đức Thánh Cha, người tín hữu phải luôn biết tạ ơn Thiên Chúa về hồng ân cao cả này, nhưng tạ

ơn không dừng lại mà phải tin và xin Chúa Thánh Thần ban thêm đức tin.

Trong Cựu Ước, Abraham đã thể hiện niềm tin tuyệt đối và Thiên Chúa và được gọi là tổ phụ của đức tin. Đức Maria, một mẫu gương tuyệt hảo của đức tin, qua Mẹ, Thiên Chúa thực hiện công trình cứu chuộc nhân loại. Thời đại của Tin Mừng, đức tin càng được thể hiện mạnh mẽ, một biểu hiện tuyệt đối để phép lạ được xảy ra từ lời tuyên xưng “Này con, lòng tin của con đã cứu chữa con. Con hãy về bình an và khỏi hẳn bệnh” (Mc 5, 34). Và “Ông đừng sợ, chỉ cần tin thôi” (Mc 5, 36). Nếu không tin, Chúa Giêsu sẽ không làm được phép lạ. Như vậy Đức Tin là thái độ, là cuộc sống để gặp gỡ Thiên Chúa, gặp gỡ Chúa Giêsu Kitô.

**Thiên Chúa làm người**, rao giảng Tin Mừng, chữa lành nhiều bệnh nhân là để đem hạnh phúc đến cho con người, để nâng cao phẩm giá con người vì con người đã được tạo dựng giống hình ảnh Thiên Chúa. Vậy xã hội ngày hôm nay có đề cao phẩm giá con người không?

*“Chủ thuyết tương đối và hưởng thụ, khiến đức tin ngày nay bị chèn ép, bị sống cách thụ động và biểu lộ cách mờ nhạt”*

ĐGH.Benedict XVI

“Có” nhưng cái nhân phẩm xã hội hưởng tới lại là: “Chủ thuyết tương đối và hưởng thụ, khiến đức tin ngày nay bị chèn ép, bị sống cách thụ động và biểu lộ cách mờ nhạt” (Đc. Bênêdictô XVI)

Chúng ta cùng suy nghĩ về phẩm giá con người mà Thiên Chúa làm người đã nâng chúng ta dậy, cứu ta thoát khỏi ách tội lỗi từ lúc nguyên tổ phản bội lại Thiên Chúa. Sống Năm

Đức tin chúng ta ý thức, mỗi chúng ta là con Chúa được tạo dựng giống hình ảnh Chúa. Trong tôi, trong anh chị em tôi đều mang hình ảnh Thiên Chúa. Vậy “Sống đức tin” mỗi tín hữu cần xét lại bản thân trong tương quan với Thiên Chúa và anh chị em qua:

## 1. Đời sống gia đình công giáo:

**a. Gia đình** là một thể giới thu nhỏ, trong thế giới này đã có tình yêu Thiên Chúa ngự trị chưa? Mỗi thành viên

đã góp phần đem lại bầu khí yêu thương: Cha mẹ – vợ chồng – con cái – những mối giây tình yêu bền vững được thể hiện như thế nào? Mỗi thành viên đã thực sự tôn trọng nhân phẩm của mỗi người ra sao? Một gia đình mà tình yêu đích thực từ Thiên Chúa là tình yêu “In Spite of” tức là Yêu vì Yêu, không vì bất cứ lý do nào: bất chấp tất cả để yêu thương.



Nhưng trong thực tế đã có biết bao sự rạn nứt, đổ vỡ chỉ vì thiếu vắng tình yêu. Hơn thế nữa là người ta đã không tin, không giữ luật Chúa, luật của yêu thương; yêu thương không đòi hỏi sự công bằng, yêu thương vượt trên bác ái; yêu thương là chấp nhận nhau, hy sinh cho nhau, tha thứ với tấm lòng quảng đại, không hẹp hòi. Hãy quan tâm, dành thời giờ cho gia đình, cần ngồi lại đối thoại bằng lời lẽ chân tình, yêu thương mà nói với nhau và phải biết nhắm mắt lại trước những khuyết điểm của nhau nữa. Tình yêu trong gia đình còn biểu hiện qua việc giáo dục con cái.

#### **b. Con cái trong gia đình: Con cái hồng ân Chúa ban.**

*“Này con cái là hồng ân của Chúa,  
Con mình sinh hạ là phần thưởng Chúa ban”  
(Tv 127, 3).*

Gia đình công giáo sống đức tin cần phải biết giáo dục con cái theo luật Chúa là luật Giáo hội, qua việc học giáo lý, tham gia sinh hoạt các đoàn thể trong giáo xứ. Cha mẹ cũng cần sống nêu gương cho con cái noi theo, sống chân thật, bác ái, biết chia sẻ với những người thân, bè bạn, hàng xóm chung quanh chúng ta bằng hành động, lời nói yêu thương như cha mẹ đã làm.

Dạy con với lời nói nhẹ nhàng, biểu lộ tâm tình yêu thương con cũng là giáo dục nhân cách. Với Đức Tin sẽ nhìn thấy hình ảnh Thiên Chúa yêu thương, cha mẹ sẽ không nổi nóng, dùng những ngôn từ không xứng hợp mà trái lại với lời ngọt ngào, nhẹ nhàng nhắc nhở con và tôn trọng nhân phẩm theo lứa tuổi, chính là giúp con bước đi, giúp con trưởng thành nhân cách tích cực nhất. “Tại sao con lại làm thế với cha mẹ” (Lc 2, 48). Đó là lời của Mẹ Maria và Thánh Giuse khi tìm gặp người con Giêsu tại

đền thờ.

#### **c. Trong quan hệ vợ chồng:**

Tình yêu vợ chồng trong gia đình có Chúa là tin vào Thiên Chúa là cội nguồn mọi sự tốt lành, thánh thiện, công bình, bác ái, nhân đạo, vị tha. Người vợ, chồng có niềm tin nơi Chúa không cho phép mình làm điều gì xấu, như giận ghét, căm thù, độc ác. Con người không phải là thánh, nên vẫn luôn tồn tại hai phần trong “con/người”, nếu mỗi người biết chấp nhận, tha thứ để yêu thương thì “con” trong con người sẽ giảm và “người” trong con người sẽ tăng lên, thì sẽ sống hạnh phúc trong niềm tin tưởng vào Thiên Chúa.

Khi xảy ra bất hoà, hờn giận... Hãy vì con cái mà làm hoà với nhau, chính lúc này gương sáng của cha mẹ là biết bỏ qua, tha thứ lỗi cho nhau sẽ có tác động đến con cái. Sống Đức Tin không chỉ là xây dựng gia đình yêu thương, tôn trọng nhân phẩm của mỗi thành viên trong gia đình mà còn là sống thực hành điều mình Tin.

#### **2. Với những người sống đời dâng hiến:**

“Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng... Ai tin... sẽ được cứu rỗi, còn ai không tin, thì sẽ bị kết án. Đây là những dấu lạ sẽ đi theo những ai có lòng tin. Nhân danh Thầy, họ sẽ trừ được quỷ, sẽ nói tiếng lạ. Họ sẽ cầm được rắn, và dù có uống nhầm thuốc độc, thì cũng chẳng sao...” (Mc 16-15-18).

“Sống Đức Tin” không chỉ mời gọi gia đình công giáo xem lại mối quan hệ yêu thương để xây dựng bầu khí gia đình, đặt Thiên Chúa vào đúng vị trí của Ngài để trong tâm tình thờ phượng Đấng tạo dựng nên mọi loài mọi vật, gia đình chúng ta sẽ cảm nhận niềm hạnh phúc khi được có Chúa ở bên và đồng hành. Mà còn mời gọi những người sống ơn gọi hiến dâng, với sứ mệnh rao giảng chân lý đức tin và Tin Mừng Cứu Độ. Hơn lúc nào hết phải dũng cảm bênh vực cho sự thật, công bằng xã hội, lành mạnh hoá con người để chống lại những suy thoái của xã hội về mặt luân lý, đạo đức. Nếu các vị sống đức tin, và với chức năng thiêng liêng của người ngôn sứ trong hoàn cảnh xã hội, niềm tin ấy sẽ chiếu sáng và có sức thuyết phục, loan báo Tin Mừng như lời Chúa dạy thì hạnh phúc biết bao cho đàn chiên mà họ được Chúa giao chăn dắt; còn giả như họ đã đánh mất niềm tin thì lời rao giảng của họ không thể nhập tâm người nghe. Vì chỉ khi nào các vị nói điều mình tin, thì mới truyền lửa đức tin cho người khác. Lời Chúa dạy: “...anh chị em có thể trừ quỷ, cầm rắn mà không sợ...” chính là khi xác tín vào Thiên Chúa qua việc sống đức tin với lời rao giảng, công việc truyền giáo bay giờ tự nó đã đạt hiệu quả, và khi lời rao giảng và hành động song hành, đủ sức thuyết phục đàn chiên mà không cần xây thêm, sửa sang nhà thờ, nhà xứ khang trang lộng lẫy. Người phục vụ Tin Mừng mà không noi gương Chúa Kitô trong cuộc sống thì không thể làm gương đức tin cho

ai và lời giảng dạy không được thực hành theo gương Thầy Giêsu và nhân danh Chúa Kitô sẽ chẳng thuyết phục được ai thì truyền giáo làm sao? Điều cần thiết là phải có và sống tinh thần nghèo khó của Phúc Âm để nói gương Chúa Kitô: “Đấng vốn giàu sang phú quý, nhưng đã tự ý trở nên nghèo khó vì anh em, để lấy cái nghèo của mình mà làm cho anh em trở nên giàu có.” (2 Cor 8:9)

### Tóm lại

\* Người tín hữu tin xác tín điều mình tin bằng hành động yêu thương cụ thể. Trong cuộc sống xây dựng gia đình, biết đặt niềm tin vào Thiên Chúa, biết tha thứ thì hạnh phúc sẽ được đong đầy. Nhưng không dễ thực hành nếu ta không được Chúa biến đổi. Hãy tin và sống đức tin vì Thiên Chúa hiện diện trong Lời của Ngài: “Hãy học cùng ta vì ta hiền lành và khiêm nhường trong lòng”, siêng năng lãnh nhận Thánh thể trong Thánh Lễ và chăm chỉ nguyện cầu cùng Mẹ qua chuỗi Mân Côi.

\* Các vị phục vụ Tin Mừng, sống đời dâng hiến hãy sống với Chúa trong niềm tin, để lời rao giảng không chỉ hay mà còn phải rao giảng điều mình tin thì người nghe là đàn chiên mới nhập tâm và họ mới nhận được lửa đức tin do các ngài truyền đến.

Lạy Chúa, xin cho chúng con biết học nơi Chúa sự hiền lành và khiêm nhường trong lòng để chúng con biết điều chỉnh cách suy nghĩ và lối sống ích kỷ, biết mở rộng lòng trao tặng cho tha nhân món quà là những hồng ân Chúa ban, là chia sẻ, là thực hành bác ái, yêu thương với mọi người sống gần gũi, sống chung quanh chúng con.

Và lạy Chúa với Đức Tin là quà tặng vô giá Chúa đã ban tặng cho chúng con, nhưng với thân phận yếu đuối, mỏng dòn, đức tin của chúng con không thể chiếu sáng. Xin hãy ban thêm đức tin cho chúng con, cũng như Thánh Phaolô mời gọi Timôthê “Anh hãy tìm kiếm đức tin” (2Tm 2, 22) thì chúng con cũng đừng lười biếng trong đức tin, để đức tin luôn đồng hành với chúng con trong cuộc sống và dẫn đưa chúng con đến gặp gỡ Chúa như người phụ nữ Samari, như viên sĩ quan... và chúng con sẽ được hưởng hạnh phúc là chính ơn cứu độ của Thiên Chúa ♦

*Để việc phổ biến Học thuyết Xã hội của Giáo Hội hay còn gọi Giáo huấn Xã hội được phổ cập và ‘đại chúng hóa’ nhiều hơn, kể từ số báo này, các trang cuối của Tập san chúng tôi dành vào việc phổ biến GXH dưới dạng Hỏi & Đáp. Ở phần này, ngoài việc phổ biến GXH, chúng tôi còn mong được đón nhận góp ý của bạn đọc để các câu Hỏi & Đáp ngày càng hoàn thiện và dễ hiểu hơn. Hy vọng trong tương lai sẽ có một tập sách mỏng về GXH dưới dạng Hỏi & Đáp bình dân này. BBT*

## GIÁO HUẤN XÃ HỘI CÔNG GIÁO LÀ GÌ?

Giáo huấn Xã hội Công giáo (còn gọi là Học thuyết Xã hội Công giáo) là một tập hợp các nguyên tắc nhằm giúp ta đào tạo lương tâm người Kitô hữu để hành xử trong xã hội. Giáo huấn Xã hội Công giáo tóm lược giáo huấn của Giáo hội về những vấn đề xã hội. Giáo huấn đề cao tầm nhìn về một xã hội công bằng đặt nền tảng trên Kinh Thánh và trên kho tàng minh triết thu thập từ kinh nghiệm của cộng đồng Kitô giáo, trong việc đáp ứng với các vấn đề công bằng xã hội qua lịch sử.

Giáo huấn Xã hội Công giáo gồm ba thành tố: Những nguyên tắc để suy tư; các tiêu chuẩn để phán đoán; và các hướng dẫn hành động.

“Học thuyết Xã hội được xây dựng trên nền tảng được các Tông Đồ truyền lại cho các Giáo Phụ, sau đó được các vị đại tiến sĩ của Kitô giáo tiếp thu và đào sâu thêm... Học thuyết này được chứng thực bởi các Thánh và bởi những ai hiến đời mình cho Đức Kitô Chúa Cứu Thế của chúng ta trong lĩnh vực công lý và hòa bình. Học thuyết thể hiện sứ vụ ngôn sứ của các vị Giáo hoàng: Hướng dẫn Giáo hội Đức Kitô trên cương vị tông đồ và phân định các đòi hỏi mới của công cuộc Phúc Âm hóa” (Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp Caritas in Veritate, 12).

“Học thuyết Xã hội của Giáo hội không phải là ‘con đường thứ ba’ giữa chủ nghĩa tư bản tự do và chủ nghĩa xã hội Mác-xít, cũng không phải là một giải pháp có thể chọn lựa trong số những giải pháp ít triệt để hơn, những học thuyết đó là một loại riêng. Đó không phải là một ý thức hệ, nhưng là một cách trình bày chính xác những kết quả của sự suy tư nghiêm chỉnh về những thực tại phức tạp của cuộc sống con người trong xã hội và trong bối cảnh quốc tế dưới ánh sáng đức tin và truyền thống Giáo hội. “Mục đích chính của học thuyết là giải thích các thực tại này” và “như vậy, có mục đích hướng dẫn cách ứng xử của người Kitô hữu” (Chân phước Gioan Phaolô II, Thông điệp Quan tâm tới vấn đề xã hội, 41).

♦ DAN QUANG TÂM

Truyện tranh

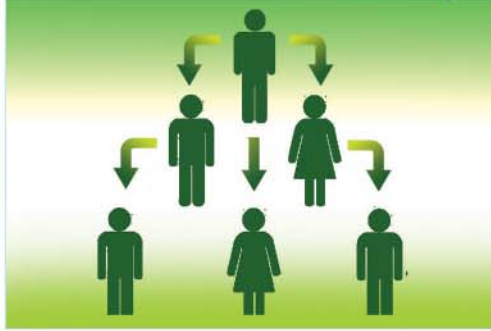
Tim hiểu

# NGUYÊN TẮC CƠ BẢN Giáo Huấn Xã Hội

(tiếp theo kì trước và hết)

Thực hiện:  
Nhóm Tâm Lý Giáo Dục -  
Nhóm Học Hỏi Giáo Huấn Xã hội Công giáo

## IV. BỔ TRỢ



Mẹ: À, lâu lâu con có nhiều bài phải học nên em ừ giùm con thôi mà anh. Lúc nào Nam rảnh Nam tự làm.  
Ba: Hai mẹ con nghe ba nói nè. Không phải lâu lâu mà làm thay con hoài như vậy là không tốt đâu. Giúp đỡ không có nghĩa là làm thay, mà chỉ là hỗ trợ khi cần thôi. Đó là nguyên tắc Bổ trợ của người Công giáo đó.



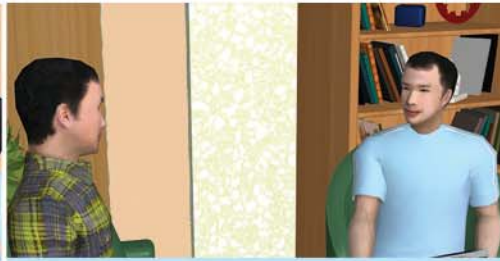
Ba: Nam, con lớn rồi, Ba thấy có một số việc con tự làm được, nhưng mẹ vẫn phải làm thay con, như ủi quần áo đi học chẳng hạn.  
Nam: Dạ tại con bận học nên mẹ làm giùm có sao đâu ba. Hồi đó ba nói chúng ta phải yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau mà.



Mẹ & Nam: Sao lại không tốt chứ ba?  
Ba: Chúa ban cho mỗi người khả năng khác nhau. Chúng ta phải sống và làm việc như thế nào để phát triển hết mức khả năng đó. Nếu mẹ cứ làm giúp con hoài thì khả năng tự lập của con sẽ không triển nở được, như vậy con sẽ không thể trưởng thành.



Ba: Nếu em cứ làm giùm con hoài, như vậy là đã vô tình làm mất quyền được tự lập của con, gián tiếp hại con rồi.  
Mẹ (cười): em hiểu rồi. Vậy từ giờ việc gì Nam có thể tự làm sẽ để cho Nam làm. Nha Nam! (nói với Nam).  
Nam (ngập ngừng): Dạ... con biết rồi ba.



Ba: Đừng lo con, ba sẽ hỗ trợ con khi cần mà. Thí dụ như khi ba sửa điện trong nhà, con học về điện rồi, có thể tới giúp ba. Như vậy sau này con sẽ biết làm nhiều việc, không phải thích hơn sao?  
Nam (suy nghĩ): Dạ, con cũng thích biết thêm nhiều thứ.



Ba: Con biết ngân hàng cho người nghèo không? Đó cũng là một ví dụ, hay như các tổ chức dân sự, các CLB, nhóm, hội, đoàn thể, tổ chức tôn giáo, ... nếu đúng như nguyên tắc Bổ Trợ thì nhà nước để họ tự hoạt động mà không can thiệp.  
Nam: Hay quá ha ba ha!



Ngày 13/ 10/2006 giải Nobel Hòa Bình đã được trao cho Ngân hàng Grameen và người sáng lập Muhammad Yunus, "vì những nỗ lực của họ trong việc tạo ra sự phát triển kinh tế và xã hội từ dưới lên."

[http://vi.wikipedia.org/wiki/Muhammad\\_Yunus](http://vi.wikipedia.org/wiki/Muhammad_Yunus)

Mọi xã hội thuộc trật tự cao hơn phải có thái độ trân trọng giúp đỡ- tức là hỗ trợ, đẩy mạnh, phát triển - các xã hội thuộc trật tự thấp hơn.  
(Tóm lược HTXHCG - Số 186)

Tuy nhiên để phát huy khả năng sáng tạo và tinh thần tự chủ cho người thụ hưởng, nguyên tắc bổ trợ nhấn mạnh đến những yếu tố cần thiết sau:

- Chỉ giúp khi cần thiết
- Chỉ giúp chứ không cho
- Chỉ giúp để khởi động
- Chỉ giúp chứ không làm thay
- Chỉ giúp chứ không triệt tiêu, không làm tê liệt, không phế bỏ sáng kiến, tự do và trách nhiệm của các đơn vị hay người được bổ trợ.

## ĐÓN XEM SỐ TỚI: Nguyên tắc LIÊN ĐỐI

Quý bạn đọc thân mến,

Chúng tôi ước mong được đón nhận nhiều ý kiến đóng góp để Tập san ngày hoàn thiện hơn về nội dung và hình thức. Không chỉ ý kiến, còn mong được bạn góp bài viết để chia sẻ với cộng đồng những vấn đề liên quan đến con người.

Bài vở, ý kiến xin gửi: [tsgbxbcg@gmail.com](mailto:tsgbxbcg@gmail.com)

Ban Biên Tập

## Thay lời chúc Xuân

*Tình yêu không thể được diễn tả cách trọn vẹn chỉ trong chiều hướng trần thế với những mối quan hệ của con người và xã hội, bởi vì tình yêu chỉ tìm được hiệu quả trọn vẹn của nó trong mối tương quan với Thiên Chúa. “Lạy Chúa, vào lúc xế bóng của cuộc đời này, con sẽ đến trước Chúa với hai bàn tay trắng, vì con không xin Chúa tính sổ việc con làm. Mọi việc được gọi là công lý của chúng con đều khiêm khuyết trước mặt Chúa. Vì thế, con cầu xin Chúa bảo bọc con trong công lý của Chúa và xin cho con được nhận từ tình yêu của Chúa sự sở hữu vĩnh cửu là chính Ngài.”*

Thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu  
- Tóm lược HT-XHCG, số 583

